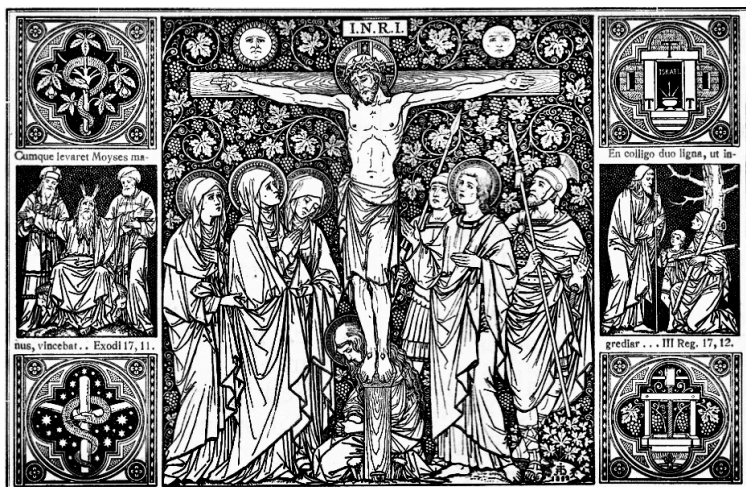


**ORDO**  
HEBDOMADÆ SANCTÆ  
*juxta MISSALE ROMANUM 1962*  
**PASSIONE D.N.I.C**



**NGHI THỨC**  
TUẦN THÁNH  
*theo SÁCH LỄ RÔMA 1962*  
**CUỘC THƯƠNG KHÓ Đ.C.G**

ANNO DOMINI  
MMXXII

Ghi chú về bản dịch:

Bản dịch Nghi Thức Tuần Thánh được sử dụng là bản dịch của Ủy ban Phụng Tự thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam năm 1968.

**SÁCH LỄ HIỆN TẠI**

Concordat cum originali:

Sài Gòn, die 27 Julii 1968

Jacobus Nguyễn Văn Vi

Censor delegatus

Imprimatur:

Phú Cường, die 28 Julii 1968

✠ Joseph Phạm Văn Thiên

Praes. Com. Episc. de Sac. Liturgia

## THỨ SÁU TUẦN THÁNH

*Ngày buồn sầu... Toàn thể Giáo hội để tang Chúa Giêsu, Nhà thờ lạnh lẽo phủ một màu tang.*

*Lễ nghi: Không có Thánh Lễ chánh thức, nên lễ nghi chiều nay được gọi là CUỘC CỬ HÀNH PHỤNG VỤ. Cuộc cử hành này gồm bốn phần:*

*Phần thứ nhất: Đọc Sách Thánh và Bài Thương Khó: Tất cả đều nói đến sự khổ nạn và cái chết đau thương của Chúa.*

*Phần thứ hai: Các lời nguyện trọng thể: cầu cho Giáo Hội, thế giới, ly giáo, Do Thái và lương dân. Đúng như lời: “Khi nào Ta bị treo lên thì Ta sẽ kéo mọi sự lên cùng Ta.”*

*Phần thứ ba: Kính thờ Thánh Giá: vị Chủ sự dần dần mở khăn che Thánh Giá. Ngài cởi giày, đi chân không, bái quỳ và hôn kính Thánh Giá. Lần lượt đến các giáo sĩ và toàn thể giáo dân. Trong khi đó có những bài ca thảm thiết, náo nùng than khóc Chúa. Thật là một lễ nghi cảm động.*

*Phần thứ tư: Kiệu Thánh Thể và Rước Lễ: Hôm nay vị Chủ sự không truyền phép Thánh Thể, nên khi kính thờ Thánh Giá xong, ngài kiệu Thánh Thể ở Nhà Tam về để ngài và giáo dân rước lễ. Rước lễ xong, vị Chủ sự đọc ba lời nguyện cảm ơn, rồi yên lặng ra về... Một màu tang còn vương lại, tất cả cảnh vật hình như cũng thông cảm nỗi âu sầu của loài người.*

*Về lễ nghi Thứ Sáu Tuần Thánh, Thánh Bộ Lễ Nghi vẫn ước ao cho lễ nghi được cử hành vào hồi ba giờ chiều, giờ Chúa chịu chết trên Thánh Giá, nhưng Thánh Bộ vẫn ban phép cử hành trong khoảng thời gian từ mười hai giờ trưa đến hai mươi một giờ (vì hoàn cảnh địa phương).*

*Chú ý: Nơi nào có làm các nghi lễ Thứ Năm Tuần Thánh thì cũng buộc phải làm các nghi lễ Thứ Sáu Tuần Thánh. Trái lại, nếu nơi nào không có làm nghi lễ Thứ Năm, thì không được làm các nghi lễ Thứ Sáu.*

## PHẦN THỨ NHẤT

Deus, qui peccáti véteris hereditárium mortem, in qua posteritátis genus omne succésserat, Christi tui, Dómini nostri, passióne solvísti: da, ut, confórmes eídem facti; sicut imáginem terrénæ natúræ necessitáte portávimus, ita imáginem coeléstis grátiaē sanctificatióne portémus. Per eúndem Dóminum nostrum Iesum Christum, Fílium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sácula sáculórum.

Lạy Chúa, nhờ cuộc Tử Nạn của Đức Kitô, Chúa chúng tôi, Chúa đã cứu thoát chúng tôi khỏi án chết của tội xưa truyền lại cho mọi người. Xin cho chúng tôi nên giống như Người, chúng tôi hiện còn mang xác hư hèn, từ nay nhờ ơn thánh hóa, xin cho chúng tôi được mang ánh huy hoàng của ơn sung. Vì cũng một Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

## BÀI ĐỌC I

Ôsê 6, 1-6

Hæc dicit Dóminus: In tribulatióne sua mane consúrgent ad me: Veníte, et revertámur ad Dóminum: quia ipse cepit, et sanábit nos: percútiét, et curábit nos. Vivificábit nos post duos dies: in die tértia suscitábit nos, et vivémus in conspéctu eius. Sciémus, sequemúrque, ut cognoscámus Dóminum: quasi dilúculum præparátus est egréssus eius, et véniet quasi imber nobis temporáneus, et serótinus terræ. Quid fáciam tibi Ephraim? quid fáciam tibi Iuda? Misericórdia vestra quasi nubes matutína, et quasi ros mane

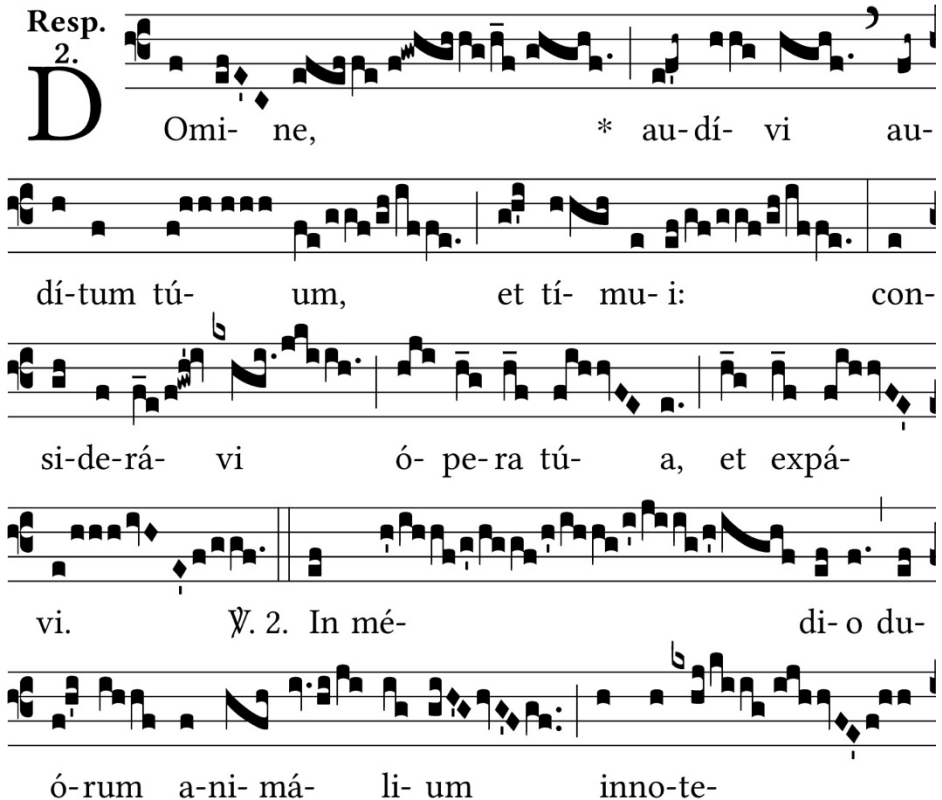
Khi ấy Thiên Chúa phán rằng: “Trong cơn quắn bách, chúng sẽ vội vã chỗi dậy và đến với Ta.” Chúng sẽ nói: “Hãy về, hãy trở về với Chúa; vì Người đánh ta bị thương, rồi Người lại chữa lành. Người đánh chúng ta, nhưng rồi lại băng bó. Sau hai ngày, Người sẽ ban sức sống cho chúng ta; ngày thứ ba, Người sẽ cho chúng ta được hồi sinh và chúng ta sẽ sống trước mặt Người. Ta hãy học biết Chúa, hãy theo Người để biết Người. Người sửa soạn chỗi dậy như rạng đông, và Người sẽ xuống với chúng ta như trận mưa rào, như đợt mưa xuân

pertránsiens. Propter hoc dolávi in prophétis, occídí eos in verbis oris mei: et iudícia tua quasi lux egrediéntur. Quia misericórdiam vólui, et non sacrificium, et sciéntiam Dei plus quam holocáusta.

trên đất. Nhưng hồi Ephraim, Ta sẽ làm gì cho người? Lòng từ bi Người như mây buổi sáng, như sương tàn ban mai. Vì thế, Ta đã dùng các Tiên Tri mà xử nghiêm khắc với chúng, và Ta đã dùng lời nói mà lên án tử chúng, để cho sự xét xử của Người chiếu rọi như ánh sáng. Vì Ta muốn tình thương chứ không muốn lễ vật, và coi sự hiểu biết Chúa hơn của lễ thiêu sinh.”

### CA TÂM NIỆM I

Resp.  
2.  
**D**



Omi- ne, \* au- dí- vi au-  
dí-tum tú- um, et tí- mu- i: con-  
si-de-rá- vi ó- pe- ra tú- a, et expá-  
vi.  $\Psi$ . 2. In mé- di- o du-  
ó- rum a- ni- má- li- um inno- te-



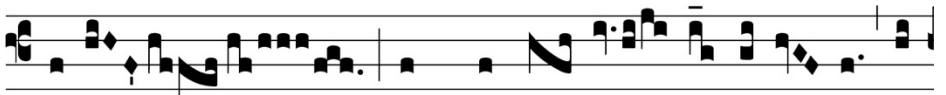
scé-ris: dum appro- pinquáve- rint



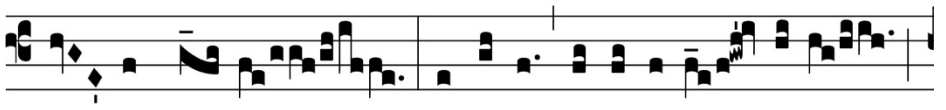
án- ni, co-gno- scé-ris: dum advéne-rit tém-



pus, o- sten- dé- ris.  $\Psi$ . 3. In



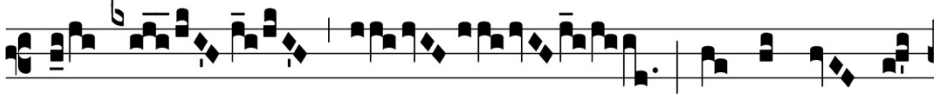
é- o, dum contur-bá- ta fú- e- rit á-



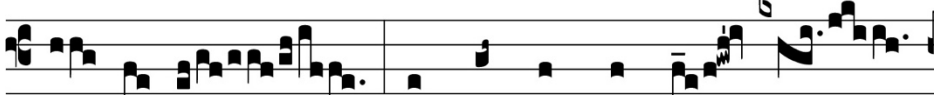
ni- ma mé- a: in í-ra mi-se-ri-cór- di-æ



mé- mor é- ris.  $\Psi$ . 4.



Dé- us a Lí- ba- no



vé- ni- et, et Sánctus de món- te



umbró- so et con- dénso.

¶. 5. O-



pé-ru- it caé- los ma-jéstas



é- jus: et láudis é- jus plé- na est \*



tér- ra.

Dómine, audívi audítum tuum, et tímui: considerávi ópera tua, et expávi.

Lạy Chúa, con nghe tiếng Chúa mà sợ hãi, con đã ngắm nhìn những kỳ công của Chúa mà sửng sốt.

In médio duórum animálium innotescéris: dum appropinquáverint anni cognoscéris: dum advénerit, tempus, ostendéris.

Chúa đã hiện ra giữa hai con vật, khi ngày giờ đến, Chúa sẽ được nhận biết; khi đến ngày, Chúa sẽ hiện ra.

In eo, dum conturbáta fúerit ánima mea: in ira, misericórdiæ memor eris.

Linh hồn con xao xuyến, nhưng xin Chúa nhớ lại lòng từ bi Chúa trong ngày thịnh nộ.

Deus a Líbano véniet, et Sanctus de monte umbróso, et condénso.

Từ núi Libăng, Chúa đã đến, Chúa sẽ từ núi rừng rậm rạp âm u mà đến.

Opéruit cœlos maiéstas eius: et láudis eius plena est terra.

Vinh quang Chúa bao phủ bầu trời, và trái đất đầy ánh huy hoàng Chúa

## LỜI NGUYỆN

*Orémus.*

*Flectámus genua.*

*Leváte.*

Deus, a quo et Iudas reátus sui pœnam, et confessiónis suæ latro præmium sumpsit, concéde novis tuæ propitiatiónis effectum: ut sicut in passióne sua Iesus Christus Dóminus noster diversa utrísque íntulit stipéndia meritórum; ita nobis, abláto vetustátis errore, resurrectiόνis suæ grátiam largiátur: Qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus per ómnia sæcula sæculórum.

*Chúng ta hãy cầu nguyện.*

*Chúng ta hãy quỳ gối xuống.*

*Hãy đứng lên.*

Lạy Chúa, Chúa đã phạt Iuda vì tội ác, đã thưởng người trộm lành vì có lòng tin. Xin Chúa thương cho chúng tôi được hưởng công nghiệp của Chúa. Như xưa Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng tôi, trong cuộc khổ nạn, đã đổi xử với hai người xứng với việc họ làm thế nào, thì xin Chúa cũng trừ diệt những lầm lạc trong con người cũ chúng tôi và cho chúng tôi được sống với Người như vậy. Đáng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

## BÀI ĐỌC II

Xuất Ký 12, 1-11

In diébus illis: Dixit Dóminus ad Móysen et Aaron in terra Ægypti: “Mensis iste, vobis princípium ménsium: primus erit in ménsibus anni. Loquímini ad univérsum coetum filiórum Israël, et dícite eis: Décima die mensis huius tollat unusquisque agnum per famílias et domos suas. Sin áutem minor est númerus, ut suffícere possit ad vescéndum agnum, assúmet vicínium

Khi ấy, Chúa bảo hai ông Maisen và Aaron ở Ai Cập rằng: “Tháng này là tháng thứ nhất trong năm, tháng thứ nhất trong mọi tháng. Hãy bảo cho toàn dân biết rằng: Ngày thứ mười trong tháng này, mỗi họ và mỗi nhà phải chọn một con chiên. Nếu trong nhà không có đủ người để ăn, thì hãy mời thêm những người lân cận nhất, đủ để ăn. Phải chọn con chiên đực, trong sạch, được một năm. Các người



suum qui iunctus est dómni suæ, iuxta númerum animárum quæ sufficere possunt ad esum agni. Erit autem agnus absque mácula, másculus, annículus: iuxta quem ritum tollétis et hædum. Et servábitis eum usque ad quartadécimam diem mensis huius: immolabítque eum univérsa multitúdo filiórum Israël ad vésperam. Et sument de ságuine eius, ac ponent super utrúmque postem, et in superlimináribus domórum, in quibus cómedent illum. Et edent carnes nocte illa assas igni, et azýmos panes cum lactúcis agréstibus. Non comedétis ex eo crudum quid, nec coctum aqua, sed tantum assum igni: caput cum pédibus eius et intestínis vorábitis. Nec remanébit quidquam ex eo usque mane. Si quid resíduum fúerit, igne comburétis. Sic autem comedétis illum: renes vestros accingétis, et calceaménta habébitis in pédibus, tenéntes báculos in mánibus, et comedétis festinánter: est enim Phase id est tránsitus Dómini.”

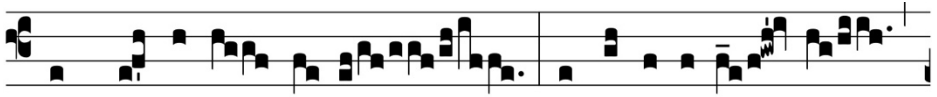
cũng có thể thay thế bằng một con dê đủ điều kiện như thế. Hãy giữ nó cho đến ngày thứ mười bốn tháng này và tất cả dân chúng Israel sẽ hiến dâng vào buổi chiều. Hãy lấy máu nó bôi trên hai cánh cửa và xà ngang của nhà có người ăn. Trong đêm ấy, hãy ăn thịt nướng và bánh không men và rau rừng. Đừng ăn sống hoặc luộc, nhưng nướng. Hãy ăn tất cả đầu, chân và bộ lòng. Không được để thừa đến sáng mai. Nếu còn thừa thì hãy đốt đi. Đây là cách thức phải giữ trong khi ăn: hãy thắt lưng, chân xỏ giày, và tay cầm gậy, hãy ăn vội vã vì là ngày Vượt Qua, ngày Chúa Vượt Qua.”

## CA TÂM NIỆM II

Ps 139, 2-10 et 14

Resp.  
2.  
**E**

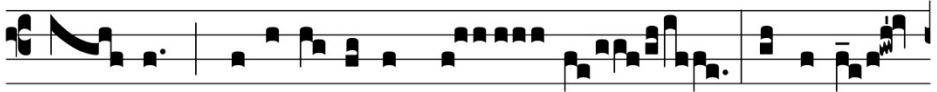
- ri-pe me, \* Dó- mi- ne,



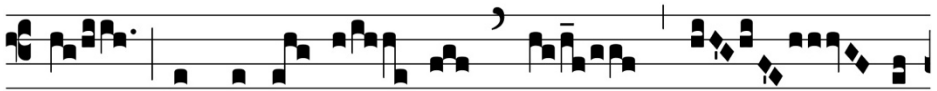
ab hó-mi-ne má-lo: a ví-ro i-ní- quo



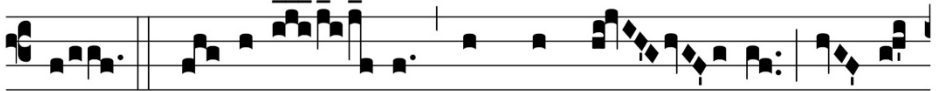
lí-be-ra me.  $\Psi$ .2. Qui co-gi-táve-



runt ma-lí-ti- as in cór- de tó-ta dí-



e consti-tu- é- bant praé- lí-



a.  $\Psi$ .3. A- cu-é- runt línguas sú- as si- cut



ser- péntes: venénum á- spi-dum sub lá-



bi- is e- ó-rum.  $\Psi$ . 4. Custó-di me, Dó-



mi-ne, de má- nu pec-ca- tó-ris: et ab



homí-ni-bus i-ní- quis lí-be-ra me.  $\Psi$ .5. Qui co-



gi-tavé- runt supplan-tá- re grés-



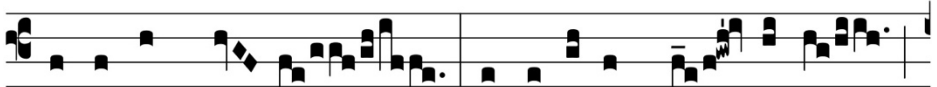
sus mé- os: abscondé-runt su-pér-



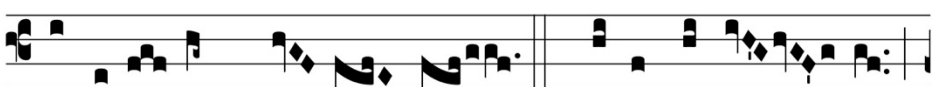
bi lá- que- um mí- hi.  $\Psi$ .6. Et fú- nes



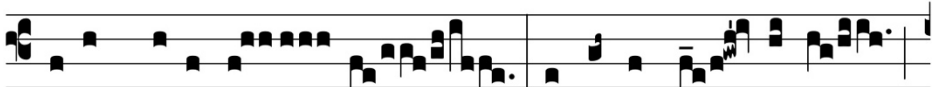
extendé- runt in láque- um



pé-di-bus mé- is: juxta í-ter scán- da-lum



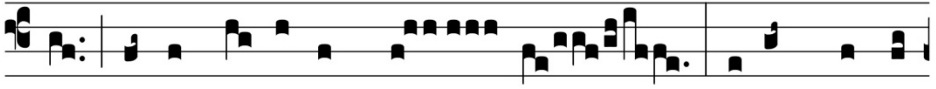
po-su-é- runt mí- hi.  $\Psi$ .7. Dí-xi Dómi- no:



Dé-us mé-us es tu: exáudi, Dó- mi-ne,



vó-cem o-ra-ti-ónis mé-æ.  $\Psi$ .8. Dómi-ne, Dómi-



ne, ví-rus sa-lú-tis mé- æ: obúmbra cá-



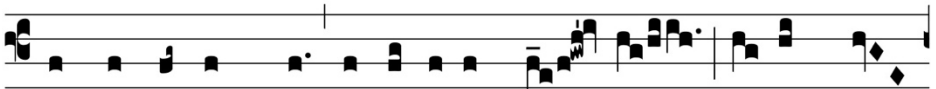
put mé- um in dí- e bél- li.  $\Psi$ .9. Ne trá-



das me a de-si-dé-ri- o



mé- o pecca-tó- ri: co-gi-tavé-



runt advérsum me: ne de-re-línquas me, ne unquam



exal- téntur.  $\Psi$ .10. Cá- put



circú- i-tus e- ó- rum: lábor la-bi- ó-rum i-

psó- rum opé-ri- et é- os. V̇.11. Ve-rúm-ta-  
 men jústi confi- te-búntur nómi-ni tú- o:  
 et ha-bi-tábunt ré- cti cum vúl- tu \*  
 tú- o.

Eripe me, Dómine, ab hómine malo:  
 a viro iníquo líbera me.

Qui cogitavérunt malítias in corde:  
 tota die constituébant prália.

Acuérunt linguas suas sicut serpéntis:  
 venénium áspidum sub lábiis eórum.

Custódi me, Dómine, de manu  
 peccatóris: et ab homínibus iníquis  
 líbera me.

Qui cogitavérunt supplantáre gressus  
 meos: abscondérunt supérbi láqueum  
 mihi.

Et funes extendérunt in láqueum  
 pédibus meis, iuxta iter scándalum  
 posuérunt mihi.

Lạy Chúa, xin cứu con thoát khỏi kẻ  
 gian ác, xin giữ con khỏi kẻ gian hùng.

Lòng chúng những mưu toan sự ác,  
 ngày ngày chúng gây họa chiến tranh.

Chúng mài lưỡi sắc như lưỡi rắn, và  
 ngậm nọc độc trong miệng.

Lạy Chúa, xin chữa con khỏi tay độc  
 ác, xin giữ con khỏi kẻ gian hùng.

Chúng hằng âm mưu đánh ngã con,  
 chúng kiêu căng gài bẫy hại con.

Chúng căng dây trước lối con đi, và  
 đặt bẫy hại con.

Dixi Dómino, Deus meus es tu:  
exáudi, Dómine, vocem oratiónis meæ.

Dómine, Dómine virtus salútis meæ  
obúmbra caput meum in die belli.

Ne tradas me a desidério meo peccatóri:  
cogitavérunt advérsus me: ne  
derelínquas me, ne unquam exalténtur.

Caput circúitus eórum: labor  
labiórurum ipsórum opériet eos.

Verúmtamen iusti confitebúntur  
nómini tuo: et habitábunt recti cum  
vultu tuo.

Con kêu cùng Chúa: Chúa là Chúa  
con, xin Chúa nghe lời con kêu xin.

Lạy Chúa, là Đấng cứu chữa quyền  
năng, xin che đầu con lúc tranh đấu.

Lạy Chúa, Chúa đừng trao con mặc  
sức kẻ gian ác, đừng cho mưu mô  
chúng thành công.

Chúng ngang nhiên tự đắc, xin cho sự  
ác trên miệng chúng rơi trên chúng.

Kẻ lành sẽ ca tụng Chúa, và kẻ chính  
trực nhìn ngắm dung nhan Chúa.

## BÀI THƯƠNG KHÓ

Pássio Dómini nostri Iesu Christi  
secúndum Ioánnem.

In illo témpore: Egréssus est Iesus  
cum discíplis suis trans torréntem  
Cedron, ubi erat hortus, in quem  
introívit ipse, et discípli eius Sciébat  
áutem et Iudas, qui tradébat eum,  
locum: quia frequénter Iesus  
convénerat illuc cum discíplis suis.  
Iudas ergo cum accepísset cohórtem,  
et a pontíficibus et pharísæis  
minístros, venit illuc cum latéris, et  
fácibus, et armis. Iesus ítaque sciens  
ómnia quæ ventúra erant super eum,  
procéssit, et dixit eis:

Bài Thương Khó Đức Giêsu Kitô,  
Chúa chúng ta, theo thánh Gioan.

### CHÚA GIÊSU BỊ BẮT

Khi ấy, Chúa Giêsu cùng các môn đệ  
sang bên kia suối Cedron. Ở đấy có  
một khu vườn. Người vào đó với các  
môn đệ. Judá, tên phản bội đã biết rõ  
nơi ấy, vì Chúa Giêsu thường đưa các  
môn đệ tới đó. Vậy Judá dẫn đội binh  
và lính gác do các đại giáo trưởng và  
bọn biệt phái cấp cho; chúng đến đấy  
với đèn đuốc và võ khí. Chúa Giêsu  
đã biết trước mọi việc phải xảy đến,  
Người tiến ra và hỏi chúng rằng:

✠ Quem quæritis?

*C.* Respondérunt ei:

*S.* Iesum Nazarénum.

*C.* Dicit eis Iesus:

✠ Ego sum.

*C.* Stabat áutem et Iudas, qui tradébat eum, cum ipsis. Ut ergo dixit eis: Ego sum: abiérunt retrórsum, et cecidérunt in terram. Iterum ergo interrogávit eos:

✠ Quem quæritis?

*C.* Illi áutem dixérunt:

*S.* Iesum Nazarénum.

*C.* Respóndit Iesus:

✠ Dixi vobis, quia ego sum: si ergo me quæritis, sínite hos abíre.

*C.* Ut implerétur sermo, quem dixit: Quia quos dedísti mihi, non pérdidi ex eis quemquam. Simon ergo Petrus habens gládium edúxit eum: et percússit pontíficis servum: et ábscidit aurículam eius dexteram. Erat áutem nomen servo Malchus. Dixit ergo Iesus Petro:

✠ Mitte gládium tuum in vagínam. Cálicem, quem didit mihi Pater, non bibam illum?

✠ Các người tìm ai?

Chúng thưa rằng:

“Tìm Giêsu Nagiarét.”

Người bảo chúng rằng:

✠ Chính Ta đây!

Juda tên phản bội, cũng đứng đấy với chúng. Người vừa nói: chính Ta đây, thì chúng lùi lại và ngã xuống đất. Người lại hỏi chúng một lần nữa:

✠ Các người tìm ai?

Chúng thưa:

“Tìm Giêsu Nagiarét.”

Người liền đáp:

✠ Ta đã bảo các người rằng: chính Ta đây. Vậy nếu các người tìm Ta, thì hãy để những người này đi.

Như thế là trọn lời đã nói: “Trong những kẻ Cha đã ủy cho con, con không làm mất một ai.” Bấy giờ Simon Phêrô sẵn thanh gươm liền rút ra đánh tên đầy tớ vị đại giáo trưởng và chém đứt tai phải, đầy tớ ấy tên Mancô. Nhưng Chúa Giêsu bảo Phêrô rằng:

✠ Hãy xỏ gươm vào vỏ. Ta không uống chén Cha Ta đã ban cho Ta ư?

## TRƯỚC TÒA CAIPHA – PHÊRÔ CHỖI CHÚA

**C.** Cohors ergo, et tribúnus, et ministri Iudæorum comprehendérunt Iesum, et ligavérunt eum: et adduxérunt eum ad Annam primum; erat áutem socer Caíphæ, qui erat pónlífex anni illíus. Erat áutem Caíphas, quo consílium déderat Iudæis: Quia expedit unum hóminem mori pro pópulo. Sequebátur áutem Iesum Simon Petrus, et álius discípulus. Discípulus áutem ille erat notus pontífici, et introívit cum Iesu in átrium pontíficis. Petrus áutem stabat ad óstium foris. Exívit ergo discípulus álius, qui erat notus pontífici, et dixit ostiáriæ: et introduxit Petrum. Dicit ergo Petro ancílla ostiária:

**S.** Numquid et tu ex discípulis es hóminis istíus?

**C.** Dicit ille:

**S.** Non sum.

**C.** Stabant áutem servi, et ministri ad prunas, quia frigus erat, et calefaciébant se. Erat áutem cum eis et Petrus stans, et calefaciens se. Pónlífex ergo interrogávit Iesum de discípulis suis, et de doctrína eius. Respóndit ei Iesus:

Bấy giờ đội binh, viên quan chức và lính gác của người Do Thái bắt trói Người, và trước hết, điệu Người đến nhà Anna, vì ông này là nhạc phụ ông Caipha, làm đại giáo trưởng năm ấy. Chính Caipha đã giúp ý kiến này cho người Do Thái: “Một người chết cho cả dân được nhờ.” Nhưng Simon Phêrô và môn đệ khác vẫn theo Chúa Giê-su. Môn đệ này quen biết vị đại giáo trưởng, nên cùng với Chúa Giê-su vào trong sân vị đại giáo trưởng; còn Phêrô thì ở lại gần cửa. Môn đệ khác vì quen biết vị đại giáo trưởng, nên ra nói với đứa giữ cửa và dẫn Phêrô vào. Đứa tớ gái giữ cửa liền bảo Phêrô rằng:

“Chính ông, ông có phải là môn đệ người này không?”

Phêrô trả lời:

“Không.”

Bọn đầy tớ và lính gác đã nhóm một đống lửa, vì trời lạnh, họ đứng đấy mà sưởi. Phêrô cũng ở đấy sưởi với họ. Vị đại giáo trưởng hỏi Chúa Giê-su về các môn đệ và giáo lý của Người. Người đáp lại rằng:



✠ Ego palam locútus sum mundo: ego semper dócui in synagóga, et in templo, quo omnes Iudái convéniunt: et in occúlto locútus sum nihil. Quid me intérrogas? intérroga eos, qui audiérunt quid locútus sim ipsis: ecce hi sciunt quæ díxerim ego.

**C.** Hæc áutem cum dixisset, unus assístens ministrórum dedit álapam Iesu, dicens:

**S.** Sic respóndes pontífici?

**C.** Respóndit ei Iesus:

✠ Si male locútus sum, testimónium pérhibe de malo: si áutem bene, quid me cædis?

**C.** Et misit eum Annas ligátum ad Caípham pontíficem. Erat áutem Simon Petrus stans, et calefáciens se. Dixérunt ergo ei:

**S.** Numquid et tu ex discíplis eius es?

**C.** Negávit ille, et díxerit:

**S.** Non sum.

**C.** Dicit ei unus ex servis pontíficis, cognátus eius, cuius ábscidit Petrus aurículam:

✠ Tôi đã giảng công khai cho mọi người: Tôi đã luôn luôn giảng trong các hội quán và đền thờ, nơi mọi người Do Thái họp nhau. Tôi không nói gì bí mật cả. Tại sao lại hỏi Tôi? Hãy hỏi những kẻ nghe Tôi nói, họ biết Tôi đã nói những gì.

Nghe nói thế, một tên lính gác đứng đó vả Người một cái mà rằng:

“Người trả lời vị đại giáo trưởng như vậy sao?”

Người liền đáp lại rằng:

✠ Nếu Tôi nói sai, thì hãy tỏ ra sai ở chỗ nào, nếu Tôi nói phải thì sao lại đánh Tôi?

Bấy giờ, Anna để Người bị trói và dẫn tới vị đại giáo trưởng Caipha. Phêrô vẫn ở đấy sưởi. Có người hỏi Phêrô rằng:

“Cả ông nữa, ông cũng là môn đệ Giêsu chứ?”

Phêrô chối:

“Không.”

Một tên đầy tớ của vị đại giáo trưởng, có họ với người đầy tớ bị Phêrô chém đứt tai, bảo ông rằng:

**S.** Nonne ego te vidi in horto cum illo?

**C.** Iterum ergo negávit Petrus: et statim gallus cantávit.

Addúcunt ergo Iesum a Caípha in prætórium. Erat áutem mane: et ipsi non introiérunt in prætórium, ut non contaminaréntur, sed ut manducárent pascha. Exívit ergo Pilátus ad eos foras, et dixit:

**S.** Quam accusatiónem affértis advérsus hóminem hunc?

**C.** Respondérunt, et dixerunt ei:

**S.** Si non esset hic malefáctor, non tibi tradidissémus eum.

**C.** Dixit ergo eis Pilátus:

**S.** Accípite eum vos, et secúndum legem vestram iudicáte eum.

**C.** Dixerunt ergo ei Iudái:

**S.** Nobis non licet interfícere quemquam.

**C.** Ut sermo Iesu implerétur, quem dixit, significans qua morte esset moritúrus. Introívit ergo íterum in prætórium Pilátus et vocávit Iesum, et dixit ei:

**S.** Tu es Rex Iudæórum?

“Tôi đã chẳng thấy ông trong vườn với Giêsu ư?”

Một lần nữa Phêrô lại chối và tức thì gà gáy.

## TRƯỚC TÒA PHILATÔ

Bấy giờ, họ điệu Người từ nhà Caípha tới công đường. Trời đã sáng. Người Do Thái không vào công đường, vì sợ nhơ bẩn, và không thể ăn mừng bữa Vượt Qua được. Vậy Philatô phải ra ngoài đón họ và hỏi họ rằng:

“Các người tố cáo người này vì tội gì?”

Chúng đáp lại:

“Nếu nó chẳng phải là tên gian phi, thì chúng tôi chẳng nộp cho ngài.”

Philatô bảo chúng rằng:

“Các người hãy đem đi mà xử theo hiến pháp của các người.”

Dân Do Thái đáp lại:

“Chúng tôi không có phép lên án giết ai.”

Như thế là ứng nghiệm lời Chúa Giêsu đã nói, Người sẽ phải chết cách nào. Philatô liền vào trong công đường, gọi Chúa Giêsu đến và hỏi Người rằng:

“Ông là Vua dân Do Thái sao?”

**C.** Respóndit Iesus:

✠ A temetípso hoc dicis, an álii dixerunt tibi de me?

**C.** Respóndit Pilátus:

**S.** Numquid ego Iudáeus sum? Gens tua, et pontífices tradidérunt te mihi: quid fecísti?

**C.** Respóndit Iesus:

✠ Regnum meum non est de hoc mundo. Si ex hoc mundo esset regnum meum, ministri mei útique decertárent ut non tráderer Iudáis: nun áutem regnum meum non est hinc.

**C.** Dixit ítaque est Pilátus:

**S.** Ergo Rex es tu?

**C.** Respóndit Iesus:

✠ Tu dicis quia Rex sum ego. Ego in hoc natus sum, et ad hoc veni in mundum, ut testimónium perhíbeam veritáti: omnis, qui est ex veritáte, áudit vocem meam.

**C.** Dicit ei Pilátus:

**S.** Quid est véritas?

**C.** Et cum hoc dixísset, íterum exívit ad Iudáeos, et dicit eis:

Chúa Giêsu đáp:

✠ Tự ý quan nói điều ấy, hay là quan đã nghe ai nói về Tôi?

Philatô trả lời:

“Tôi có phải là người Do Thái đâu. Những người trong nước ông và các vị đại giáo trưởng đã nộp ông cho tôi, ông đã làm gì?”

Chúa Giêsu đáp:

✠ Nước Tôi chẳng thuộc về thế gian này, giả như nước tôi thuộc về thế gian này, thì quân đội của Tôi đã chiến đấu, để Tôi thoát khỏi tay người Do Thái, nhưng không, nước Tôi không thuộc về thế gian này.

Bấy giờ Philatô hỏi Người rằng:

“Ông là Vua ư?”

Chúa Giêsu đáp lại:

✠ Phải Tôi là Vua, và nếu Tôi đã sinh ra, đã xuống thế gian, là để làm chứng cho sự thật, ai hãm mộ sự thật thì nghe Tôi.

Philatô hỏi lại rằng:

“Sự thật là gì?”

Nói thế rồi Philatô lại ra bảo dân Do Thái rằng:

**S.** Ego nullam invénio in eo cáusam. Est áutem consuetúdo vobis ut unum dimíttam vobis in Pascha: vultis ergo dimíttam vobis Regem Iudæórum?

**C.** Clamavérunt ergo rursum omnes, dicéntes:

**S.** Non hunc, sed Barábbam.

**C.** Erat áutem Barábbas latro.

Tunc ergo apprehéndit Pilátus Iesum, et flagellávit. Et mílites plecténtes corónam de spinis, imposuérunt cápiti eius: et veste purpúrea circumdedérunt eum. Et veniébant ad eum, et dicébant:

**S.** Ave Rex Iudæórum.

**C.** Et dabant ei álapas. Exívit ergo íterum Pilátus foras, et dicit eis:

**S.** Ecce addúco vobis eum foras, ut cognoscátis quia nullam invénio in eo cáusam.

**C.** Exívit ergo Iesus portans corónam spíneam, et purpúream vestiméntum. Et dicit eis:

**S.** Ecce homo.

“Ta không thấy người này có điều gì đáng lên án. Nhưng trong dịp lễ Vượt Qua, vẫn có lệ tha một người, vậy các người có muốn tha Vua dân Do Thái chăng?”

Bấy giờ chúng kêu lên rằng:

“Không, nhưng tha Baraba.”

Baraba là một tên trộm cướp.

### CUỘC LẶNG NHỤC

Philatô lại truyền điệu Chúa Giêsu đến và cho hành hạ Người. Bọn lính bện một vòng gai, đặt trên đầu Người và khoác cho Người một áo đỏ. Chúng đến gần Người nói rằng:

“Tâu Vua dân Do Thái!”

Rồi chúng vả mặt Người. Philatô trở lại và bảo dân:

“Các người hãy coi, ta dẫn người này ra ngoài để các người biết: Ta không thấy người này có một lý do nào để lên án.”

Vậy Chúa Giêsu đi ra, đầu còn đội vòng gai và mình còn khoác áo đỏ. Philatô bảo:

“Đây là Người!”

**C.** Cum ergo vidissent cum pontífices et minístri, clamábant, dicéntes:

**S.** Crucífíge, crucífíge eum.

**C.** Dicit eis Pilátus:

**S.** Accípíte eum vos, et crucífígíte: ego enim non invénio in eo cáusam.

**C.** Respondérunt ei Iudái:

**S.** Nos legem habémus, et secúndum legem debet mori, quia Fílium Dei se fecit.

**C.** Cum ergo audísset Pilátus hunc sermónem, magis tímuit. Et ingrédus est prætórium íterum: et dixit ad Iesum:

**S.** Unde es tu?

**C.** Iesus áutem respónsum non dedit ei. Dicit ergo ei Pilátus:

**S.** Mihi non lóqueris? Nescis quia potestátem hábeo crucífígere te, et potestátem hábeo dimíttere te?

**C.** Respóndit Iesus:

✠ Non habéres potestátem advérsum me ullam, nisi tibi datum esset désuper. Proptérea qui me trádidit tibi, maius peccátum habet.

Các đại giáo trưởng thấy Người liền kêu lên rằng:

“Hãy đóng đinh vào thập giá! Hãy đóng đinh vào thập giá!”

Philatô bảo chúng:

“Các người đem đi mà đóng đinh. Còn ta, ta không thấy người này có tội gì mà lên án.”

Dân Do Thái trả lời:

“Chúng tôi có luật, và cứ theo luật ấy thì nó phải chết, vì nó đã tự xưng là Con Thiên Chúa.”

Nghe vậy Philatô càng thêm sợ hãi. Ông lại vào công đường hỏi Chúa Giêsu rằng:

“Quê ông ở đâu?”

Nhưng Chúa Giêsu không đáp lại lời nào. Bấy giờ Philatô bảo Người:

“Ông không trả lời cho tôi hay ư? Ông không biết tôi có quyền tha và cũng có quyền đóng đinh ông trên thập giá ư?”

Chúa Giêsu đáp:

✠ Nếu từ trên chẳng ban cho ông, thì ông chẳng có quyền gì đối với Tôi, vì thế kẻ nộp Tôi cho ông thì nặng tội hơn ông.

**C.** Et exinde quærebat Pilátus dimittere eum. Iudæi autem clamabant, dicentes:

**S.** Si hunc dimittis, non es amicus Cæsaris. Omnis enim qui se regem facit, contradicit Cæsari.

**C.** Pilátus autem cum audisset hos sermões, adduxit foras Iesum, et sedit pro tribunali, in loco qui dicitur Lithostrotos, hebræice autem Gabbatha. Erat autem Parascève Paschæ, hora quasi sexta, et dicit Iudæis:

**S.** Ecce Rex vester.

**C.** Illi autem clamabant:

**S.** Tolle, tolle, crucifige eum.

**C.** Dicit eis Pilátus:

**S.** Regem vestrum crucifigam?

**C.** Respondérunt pontífices:

**S.** Non habémus regem, nisi Cæsarem.

**C.** Tunc ergo tradidit eis illum ut crucifigeretur.

Suscepérunt autem Iesum, et eduxérunt. Et báulans sibi crucem, exívit in eum, qui dicitur Calváriæ,

Từ đó, Philatô tìm cách để tha Chúa Giê-su. Nhưng dân Do Thái lại kêu lên:

“Nếu ông tha nó thì ông không phải kẻ nghĩa thiết của Hoàng Đế! Ai tự xưng là vua, tức là kẻ thù của vua.”

Nghe lời ấy, Philatô truyền đưa Chúa Giê-su ra ngoài. Ông ngồi trên tòa cao, gọi là Lithostrotos (tiếng Do Thái là Gabbatha). Hôm đó là ngày áp lễ Vượt Qua. Vào khoảng mười hai giờ trưa, Philatô bảo dân Do Thái rằng:

“ Đây là vua các người!”

Chúng đáp lại:

“Giết đi, giết đi, đóng đinh nó đi!”

Philatô trả lời:

“Giết vua các người ư?”

Các đại giáo trưởng đáp lại:

“Chúng tôi chỉ có một Hoàng Đế Cêsarê thôi.”

Rồi Philatô trao Người cho chúng đem đi đóng đinh.

## TRÊN ĐƯỜNG NÚI SỌ ĐẾN THẬP GIÁ

Chúng điệu Người đi. Người phải vác lấy thập giá, tiến về một nơi gọi là núi Sọ (Golgôtha). Ở đó, chúng đóng

locum, hebráice áutem Gólgotha: ubi crucifixérunt eum, et cum eo álios duos hinc et hinc, médium áutem Iesum. Scripsit áutem et título Pilátus: et pósuit super crucem. Erat áutem scriptum: Iesus Nazarénus, Rex Iudæórum. Hunc ergo título multi Iudæórum legérunt, quia prope civitátem erat locus ubi crucifixus est Iesus. Et erat scriptum hebráice, græce et latíne. Dicébant ergo Piláto pontífices Iudæórum:

**S.** Noli scríbere, Rex Iudæórum, sed quia ipse dixit: Rex sum Iudæórum.

**C.** Respóndit Pilátus:

**S.** Quod scripsi, scripsi.

**C.** Míletes ergo cum crucifixíssent eum, accepérunt vestiménta eius et fecérunt quátuor partes: unicuítque míliti partem, et túnica. Erat áutem túnica inconsútilis, désuper contéxta per totum. Dixérunt ergo ad ínvicem:

**S.** Non scindámus eam, sed sortiámur de illa cuius sit.

**C.** Ut Scriptúra implerétur, dicens: Partíti sunt vestiménta mea sibi: et in vestem meam misérunt sortem. Et mílites quidem hæc fecérunt. Stabant áutem iuxta crucem Iesu mater eius, et soror matris eius María Cléophæ, et

đình Người trên thập giá, cùng với hai người khác, mỗi người một bên, Chúa Giêsu ở giữa. Philatô thảo một bản án và truyền đóng trên thập giá; bản án ấy ghi rằng: “Giêsu Nagiarét, Vua dân Do Thái.” Có nhiều người Do Thái đọc bản án ấy, vì nơi Chúa Giêsu bị đóng đĩnh ở gần thành, bản án ấy lại được viết bằng tiếng Hybá, tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp. Vậy các đại giáo trưởng Do Thái đến thưa Philatô rằng:

“Xin đừng viết: Vua dân Do Thái, nhưng nên viết: người này đã xưng mình là Vua dân Do Thái.”

Philatô trả lời:

“Điều ta đã viết, là viết.”

Đóng đĩnh Chúa Giêsu rồi, chúng lấy áo Người chia làm bốn phần, mỗi người một phần. Chúng lấy cả áo lót, nhưng áo lót không có đường khâu và là tấm nguyên từ trên xuống dưới. Chúng liền bảo nhau:

“Đừng xé ra, nhưng đem rút thăm xem ai được.”

Và như thế là trọn lời Kinh Thánh rằng: “Chúng đã chia nhau áo và rút thăm áo lót.” Và quân lính đã làm như vậy. Đứng gần thập giá Chúa Giêsu, thì có Mẹ Người, Bà Maria Clêôpha là chị em với Mẹ Người và

María Magdaléne. Cum vidísset ergo Iesus matrem, et discipulum stantem, quem diligébat, dicit matri suæ:

✠ Múlier, ecce fílius tuus.

**C.** Deínde dicit discipulo:

✠ Ecce mater tua.

**C.** Et ex illa hora accépit eam discipulus in sua. Póstea sciens Iesus quia ómnia consummáta sunt, ut consummarétur Scriptúra, dixit:

✠ Sítio.

**C.** Vas ergo erat pósito acéto plenum. Illi áutem spóngiam plenam acéto, hyssópo circumponéntes, obtulérunt ori eius. Cum ergo accepísset Iesus acétum, dixit:

✠ Consummátum est.

**C.** Et inclináto cápite, trádidit spíritum.

Iudæi ergo quóniam Parascéve erat ut non remanérent in cruce córpora sábbato erat enim magnus dies ille sábbati rogavérunt Pilátum, ut frangeréntur eórum crura, et tolleréntur. Venérunt ergo mílites: et primi quidem fregérunt crura, et

Maria Mađaléna. Thấy Mẹ Người và bên cạnh có môn đệ Người yêu, Chúa Giêsu thưa với Mẹ Người:

✠ Thưa Bà, này là con Bà.

Rồi Người bảo môn đệ:

✠ Này là Mẹ con.

Và từ lúc đó môn đệ đưa Mẹ Người về nhà mình. Chúa Giêsu biết từ nay mọi sự đã hoàn tất và để trọn lời Kinh Thánh, Người nói rằng:

✠ Ta khát!

Ở đó có một bình đầy giấm. Người ta liền lấy miếng bọt biển thấm giấm chua, rồi buộc vào mũi đồng mà đưa lên cho Người. Ném một chút giấm, đoạn Chúa Giêsu phán rằng:

✠ Mọi sự đã hoàn tất!

Rồi Người gục đầu tắt thở.

*Quyên yên lặng mấy phút mặc niệm*

SAU KHI CHẾT

Là ngày áp lễ, và không muốn để xác trên thập giá trong ngày Sabát, vì là ngày đại lễ, người Do Thái xin Philatô cho đánh đập ống chân những người bị tử hình và tháo xác xuống. Bọn lính liền đến đánh đập ống chân người thứ nhất, rồi người thứ hai trong hai



altérius qui crucifixus est cum eo. Ad Iesum áutem cum veníssent, ut vidérunt eum iam mórtuum, non fregérunt eius crura: sed unus mílitum láncea latus eius apéruit, et contínuo exívit sanguis et aqua. Et qui vidit, testimónium perhíbuit: et verum est testimónium eius. Et ille scit, quia vera dicit: ut et vos credátis. Facta sunt enim hæc ut Scriptúra implerétur: Os non comminuétis ex eo. Et iterum ália Scriptúra dicit: Vidébunt in quem transfixérunt. Post hæc áutem rogávit Pilátum Ioseph ab Arimathæa eo quod esset discipulus Iesu, occúltus áutem propter metum Iudæórum, ut tólleret corpus Iesu. Et permísit Pilátus. Venit ergo, et tulit corpus Iesu. Venit áutem et Nicodémus, qui vénerat ad Iesum nocte primum, ferens mixtúram myrrhæ, et áloes, quasi libras centum. Accepérunt ergo corpus Iesu, et ligavérunt illud línteis cum aromátibus, sicut mos est Iudæis sepelíre. Erat áutem in loco, ubi crucifixus est, hortus: et in horto monuméntum novum, in quo nondum quisquam pósitus erat. Ibi ergo propter Parascéven Iudæórum, quia iuxta erat monuméntum, posuérunt Iesum.

người cùng bị đóng đinh trên thập giá với Chúa Giêsu. Đến gần Chúa Giêsu, thấy Người đã chết, chúng không đánh dập ống chân Người nữa, nhưng có một tên lấy ngọn mác mà đâm vào cạnh sườn: tức thì nước và máu chảy ra. Kẻ đã xem thấy việc này đã làm chứng, và chứng của người thì thật, và người ấy biết rằng mình nói thật để anh em cùng tin. Mọi việc đó xảy ra để trọn lời Kinh Thánh rằng: “người ta chẳng đánh dập cái xương nào của Người”, và lời này rằng: “chúng nhìn xem Người chúng đã đâm”. Kế đó, Giuse Arimathia, một môn đệ của Chúa Giêsu, nhưng là môn đệ trong bóng tối, vì sợ người Do Thái, đến xin Philatô cho tháo xác Chúa Giêsu xuống. Philatô cho phép, ông liền đến và tháo xác xuống. Nicôđemô cũng đến, ông này trước kia đã đến gặp Chúa Giêsu ban đêm. Ông mang một bình trộn dầu và thuốc thơm độ một trăm quan. Họ hạ xác Chúa Giêsu xuống, xúc thuốc thơm và liệm trong khăn theo cách thức người Do Thái thường làm. Ở chỗ Chúa Giêsu bị đóng đinh, có một vườn và trong vườn ấy có một ngôi mộ còn mới tinh, chưa chôn cất ai. Vì là ngày Sửa soạn của người Do Thái, và vì ngôi mộ ấy rất gần, nên họ an táng Người ở đó.

## PHẦN THỨ HAI

### I. CẦU CHO HỘI THÁNH

Orémus, dilectíssimi nobis, pro Eccléssia sancta Dei: ut eam Deus et Dóminus noster pacificáre, adunáre, et custodíre dignétur toto orbe terrárum: subiciens ei principátus, et potestátes: detque nobis quiétam et tranquíllam vitam degéntibus, glorificáre Deum Patrem omnipoténtem.

*Orémus.*

*Flectámus génua.*

*Leváte.*

Omnípotens sempitérne Deus, qui glóriam tuam ómnibus in Christo géntibus revelásti: custódi ópera misericórdiæ tuæ; ut Eccléssia tua toto orbe diffúsa, stábili fide in confessióne tui nóminis persevéret. Per eúndem Dóminum nostrum Iesum Christum, Fílium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sæcula sæculórum.

Anh chị em thân mến, chúng ta hãy cầu cho Hội Thánh Chúa, xin Chúa ban hòa bình, duy nhất, và an toàn khắp hoàn cầu. Xin Chúa cho các nước và cường quyền suy phục Giáo Hội. Xin Chúa ban cho chúng ta bình an thịnh sự để ca tụng Chúa toàn năng.

*Chúng ta hãy cầu nguyện.*

*Chúng ta hãy quỳ gối xuống.*

*Hãy đứng lên.*

Lạy Thiên Chúa toàn năng, hằng hữu, Chúa đã dùng Chúa Kitô để tỏ sự cả sáng cho muôn dân, xin gìn giữ và bảo vệ những công cuộc từ bi Chúa, để Hội Thánh Chúa lan tràn khắp hoàn cầu, được vững bền trong đức tin và cương quyết xưng danh Chúa. Vì cũng một Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

### II. CẦU CHO ĐỨC GIÁO HOÀNG

Orémus et pro beatíssimo Papa nostro **N.**, ut Deus et Dóminus noster, qui elégit eum in órdine episcopátus, salvum atque incólumem custódiat Ecclésiæ suæ sanctæ, ad regéndum pópulum sanctum Dei.

Chúng ta hãy cầu nguyện cho Đức Giáo Hoàng **T.**, Chúa đã chọn và đặt ngài lên chức Giáo Hoàng, thì xin gìn giữ ngài được bình an khang cường, để ngài đứng đầu coi sóc Hội Thánh và cai trị dân thánh Chúa.

*Orémus.*

*Flectámus génua.*

*Leváte.*

Omnípotens sempitérne Deus, cuius iudício univérša fundántur: réspice propítius ad preces nostras, et eléctum nobis Antístitem tua pietáte consérva; ut christiána plebs, quæ te gubernátur auctóre, sub tanto pontífice, credulitátis suæ méritis augeátur. Per Dóminum nostrum Iesum Christum, Fílium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sácula sæculórum.

*Chúng ta hãy cầu nguyện.*

*Chúng ta hãy quỳ gối xuống.*

*Hãy đứng lên.*

Lạy Thiên Chúa toàn năng hằng hữu, Chúa đã dùng sự khôn ngoan Chúa để bảo vệ vũ trụ, xin nghe lời chúng tôi cầu nguyện, và rộng lòng nhân từ gìn giữ Đức Giáo Hoàng Chúa đã chọn, để nhờ sự dẫn dắt và nhờ công phúc, đức tin của ngài, dân Chúa mỗi ngày được thêm đông số. Vì Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đáng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

### III. CẦU CHO CÁC PHẨM CHỨC VÀ TOÀN THỂ DÂN CHÚA

Orémus et pro ómnibus Episcopis, Presbýteris, Diacónibus, Subdiacónibus, Acólythis, Exorcístis, Lectoribus, Ostiáriis, Confessióibus, Virgínibus, Víduis: et pro omni pópulo sancto Dei.

*Orémus.*

*Flectámus génua.*

*Leváte.*

Omnípotens sempitérne Deus, cuius spírítu totum corpus Ecclésiæ sanctificátur et régitur: exáudi nos pro univérsis ordínibus supplicántes; ut grátia tuæ múnere, ab ómnibus tibi grádibus fidéliter serviátur. Per Dóminum nostrum Iesum Christum,

Chúng ta hãy cầu cho hết thầy các Giám Mục, Linh Mục, Phó Tế, Phụ Phó Tế, Cầm Nén, Trừ Tà, Đọc Sách, Giữ Cửa, Hiền Tu, Đồng Trinh, Quả Phụ, và toàn thể dân thánh Chúa.

*Chúng ta hãy cầu nguyện.*

*Chúng ta hãy quỳ gối xuống.*

*Hãy đứng lên.*

Lạy Thiên Chúa toàn năng, hằng hữu, Thánh Thần Chúa hằng thánh hóa và cai trị toàn thể Hội Thánh, xin Chúa nhận lời chúng tôi cầu nguyện cho hết thầy các phẩm chức, xin Chúa ban ơn giúp đỡ để mọi người được trung thành phụng sự Chúa. Vì

Fílium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitáte eiúsdem Spíritus Sancti Deus, per ómnia sǎcula sǎculórum.

Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

#### IV. CẦU CHO CHÍNH QUYỀN

Orémus et pro ómnibus res públicas moderántibus, eorúmque ministériis et potestátibus: ut Deus et Dóminus noster mentes et corda eórum secúndum voluntátem suam dírigat ad nostram perpétuam pacem.

Chúng ta hãy cầu nguyện cho tất cả những vị lãnh đạo chính quyền, cho mọi chức vị, mọi quyền hành của họ, xin Chúa hướng dẫn tinh thần và ý chí họ theo thánh ý Chúa, để ta được hưởng hòa bình vĩnh viễn.

*Orémus.*

*Chúng ta hãy cầu nguyện.*

*Flectámus genua.*

*Chúng ta hãy quỳ gối xuống.*

*Leváte.*

*Hãy đứng lên.*

Omnípotens sempitérne Deus, in cuius manu sunt ómnium potestátes et ómnium iura populórum: respice benígnus ad eos, qui nos in potestáte regunt; ut ubíque terrárum, dextera tua protegénte, et religiónis intégritas, et pátriæ securítas indesinénter consístat. Per Dóminum nostrum Iesum Christum, Fílium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sǎcula sǎculórum.

Lạy Thiên Chúa toàn năng, hằng hữu, Chúa nắm giữ quyền hành của thế gian và lề luật của mọi dân tộc. Xin Chúa ghé mắt nhân từ nhìn xem các vị lãnh đạo chúng tôi, để khắp hoàn cầu luôn luôn được Chúa bảo vệ, tôn giáo được an toàn và quốc gia được nguyên vẹn. Vì Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

#### V. CẦU CHO CÁC DỰ TÒNG

Orémus et pro catechúmenis nostris: ut Deus et Dóminus noster adapériat áures præcordiórum ipsórum, ianuámque misericórdiæ; ut per

Chúng ta hãy cầu nguyện cho các Dự Tông, xin Chúa mở tai mở lòng họ, và cho họ qua cửa từ bi Chúa, để nhờ nước tái sinh, họ được ơn tha tội và

lavácrum regeneratiónis accépta remissióne ómnium peccatórum, et ipsi inveniántur in Christo Iesu Dómino nostro.

*Orémus.*

*Flectámus génua.*

*Leváte.*

Omnípotens sempitérne Deus, qui Ecclésiám tuam nova semper prole foecúndas: áuge fidem et intelléctum catechúmenis nostris; ut renáti fonte baptísmatis, adoptiόνis tuæ filiis aggregéntur. Per Dóminum nostrum Iesum Christum, Fílium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sæcula sæculórum.

gia nhập Nhiệm Thể Chúa Kitô.

*Chúng ta hãy cầu nguyện.*

*Chúng ta hãy quỳ gối xuống.*

*Hãy đứng lên.*

Lạy Thiên Chúa toàn năng, hằng hữu, Chúa cho Hội Thánh sinh được nhiều con cái mới, xin ban thêm đức tin và trí hiểu cho các Dự Tông, để một khi đã được tái sinh trong nước rửa vào đời sống mới, họ được liệt vào số con cái Chúa. Vì Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đáng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

## VI. CẦU XIN CHÚA CẮT MỌI TAI HỌA

Orémus, dilectíssimi nobis, Deum Patrem omnipoténtem, ut cunctis mundum purget erróribus: morbos áuferat: famem depéllat: apériat cárceres: víncula dissólvat: peregrinántibus réditum: infirmántibus sanitátem: navigántibus portum salutis indúlgeat.

*Orémus.*

*Flectámus génua.*

*Leváte.*

Omnípotens sempitérne Deus, moestórum consolátio, laborántium fortitúdo: pervéniant ad te preces de

Anh chị em thân mến, ta hãy xin Chúa toàn năng chữa thế gian khỏi mọi sai lầm, tiêu diệt mọi bệnh tật, xua đuổi cơn đói kém, mở cửa ngục tù, phá xiềng gông, cho lũ khách tới quê nhà, cho bệnh nhân khoẻ lại, và người vượt biển về tới bến bình an.

*Chúng ta hãy cầu nguyện.*

*Chúng ta hãy quỳ gối xuống.*

*Hãy đứng lên.*

Lạy Thiên Chúa toàn năng, hằng hữu, Chúa là nguồn an ủi của người sầu khổ, là sức mạnh của kẻ nhọc

quacúmque tribulatióne clamántium; ut omnes sibi in necessitatibus suis misericórdiam tuam gáudeant affuisse. Per Dóminum nostrum Iesum Christum, Fílium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitate Spíritus Sancti Deus, per ómnia sæcula sæculórum.

mệt, xin nghe lời kẻ khốn khó làm than kêu xin, để trong cơn túng cực, họ vui mừng vì được Chúa nhân từ thương đến. Vì Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

## VII. CẦU CHO GIÁO HỘI ĐƯỢC HIỆP NHẤT

Orémus et pro hæréticis et schismáticis: ut Deus et Dóminus noster éruat eos ab erroribus univérsis; et ad sanctam matrem Ecclesiám Cathólicam atque Apostólicam revocáre dignétur.

Ta hãy cầu cho những người ly giáo và dị giáo. Xin Chúa cứu thoát họ khỏi mọi sai lầm và đưa họ về với người mẹ thánh là Hội Thánh Công Giáo và Tông Truyền.

*Orémus.*

*Flectámus genua.*

*Leváte.*

*Chúng ta hãy cầu nguyện.*

*Chúng ta hãy quỳ gối xuống.*

*Hãy đứng lên.*

Omnípotens sempitérne Deus, qui salvas omnes, et néminem vis períre: respice ad ánimas diabólica fráude decéptas; ut omni hærética pravitate depósita, errántium corda resipíscant, et ad veritátis tuæ rédeant unitátem. Per Dóminum nostrum Iesum Christum, Fílium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitate Spíritus Sancti Deus, per ómnia sæcula sæculórum.

Lạy Thiên Chúa toàn năng, hằng hữu, Chúa hằng cứu mọi người và không muốn cho ai phải hư mất; xin thương xem những linh hồn bị mưu mô ma quỷ lừa dối, để họ bỏ dị giáo sai lầm tai hại, được lòng thống hối trở về với chân lý duy nhất của Chúa. Vì Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

## VIII. CẦU CHO NGƯỜI DO THÁI TRỞ LẠI

Orémus et pro pérfidis Iudæis: ut Deus et Dóminus noster áuferat velámen de córdibus eórum; ut et ipsi agnóscant Iesum Christum Dóminum nostrum.

*Orémus.*

*Flectámus génua.*

*Leváte.*

Omnípotens sempitérne Deus, qui Iudæos étiam a tua misericórdia non repéllis: exáudi preces nostras, quas pro illús pópuli obcæcátione deférimus; ut, ágnita veritátis tuæ luce, quæ Christus est, a suis ténebris eruántur. Per eúndem Dóminum nostrum Iesum Christum, Fílium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sæcula sæculórum.

Ta hãy cầu nguyện cho người Do Thái bội phản, xin Chúa cất bức màn che phủ tâm trí họ, cho họ nhận biết Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta.

*Chúng ta hãy cầu nguyện.*

*Chúng ta hãy quỳ gối xuống.*

*Hãy đứng lên.*

Lạy Thiên Chúa toàn năng, hằng hữu, Chúa nhân từ không loại bỏ người Do Thái, xin Chúa nghe lời chúng tôi cầu nguyện cho dân mù quáng ấy. Xin cho họ nhận biết sự thật là Chúa Kitô, và thoát khỏi bóng tối. Vì Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

## IX. CẦU CHO NGƯỜI KHÔNG CÓ ĐỨC TIN TRỞ LẠI

Orémus et pro pagánis: ut Deus omnípotens áuferat iniquitátem a córdibus eórum; ut relíctis idólis suis, convertántur ad Deum vivum et verum, et únicum Fílium eius Iesum Christum Deum et Dóminum nostrum.

*Orémus.*

*Flectámus génua.*

*Leváte.*

Omnípotens sempitérne Deus, qui non mortem peccatórum, sed vitam

Ta hãy cầu cho người ngoại giáo, xin Thiên Chúa toàn năng cất sự dữ khỏi lòng họ, cho họ bỏ tà thần mà trở về cùng Chúa hằng sống và chân thật, cùng Con Một Chúa là Đức Giêsu Kitô, Con Chúa, Chúa chúng ta.

*Chúng ta hãy cầu nguyện.*

*Chúng ta hãy quỳ gối xuống.*

*Hãy đứng lên.*

Lạy Thiên Chúa toàn năng, hằng hữu, Chúa không muốn cho tội nhân phải

semper inquiris: suscipe propitius orationem nostram, et libera eos ab idolorum cultura; et aggrega Ecclesiae tuae sanctae ad laudem et gloriam nominis tui. Per Dominum nostrum Iesum Christum, Filium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitate Spiritus Sancti Deus, per omnia saecula saeculorum.

chết, nhưng muốn họ được sống. Xin nhậm lời chúng tôi cầu nguyện, cho họ từ bỏ tà thần ma quỷ trở về gia nhập Hội Thánh Chúa, để Chúa được vinh danh và được chúc tụng. Vì Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

## PHẦN THỨ BA

### KÍNH THỜ THÁNH GIÁ

*Bây giờ, Giáo Hội mời chúng ta kính thờ Thánh Giá Chúa Kitô. Thờ Chúa Kitô, Thánh Giá là một dụng cụ ô nhục để phạt tội nhân. Nhưng Người đã dùng Thánh Giá làm nguồn cứu rỗi. Vì Chúa sự mở dần khăn che phủ Thánh Giá trong ba lần hát điệp xướng sau đây.*

Ant.  
6.

**E** Cce li-gnum Cru- cis, in quo sa-lus mun-di  
pe-pén- dit.  
R. Ve- ní- te, ad- o-ré- mus.

Ecce lignum Crucis, in quo salus mundi pepéndit.

Veníte, adorémus.

Đây là gỗ Thánh Giá, nơi treo Đấng Cứu Rỗi trần gian.

Ta hãy đến thờ lạy.



*Trong khi hôn kính Thánh Giá, các ca nguyện dưới đây sẽ được hát lần lượt.*

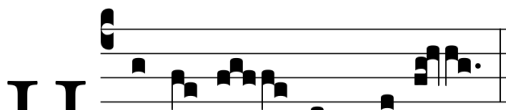

  
**P** Opu-le me-us, quid fe- ci ti-bi? Aut in quo  
 contristá-vi te? Respón-de mi-hi. **Ψ**. Qui- a e-dú- xi  
 te de terra Ægýpti : pa-rá- sti Cru-cem Salva-  
 tó- ri tu- o.

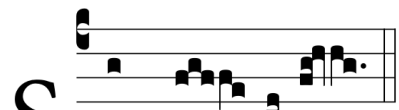
Pópule meus, quid feci tibi? aut in quo contristávi te? Respónde mihi.


Dân Ta hỡi, Ta đã làm gì cho ngươi? Hoặc Ta đã làm phiền lòng người sự gì? Hãy trả lời cho Ta hay.

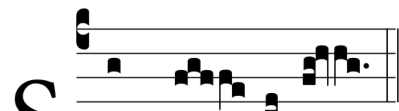
Quia edúxi te de terra Ægýpti, parásti crucem Salvatóri tuo.

Phải chăng vì Ta đã đưa ngươi ra khỏi đất Ai Cập, nên ngươi đã dọn Thánh Giá cho Đấng đã cứu ngươi.


  
**H** A-gi- os o The-ós.

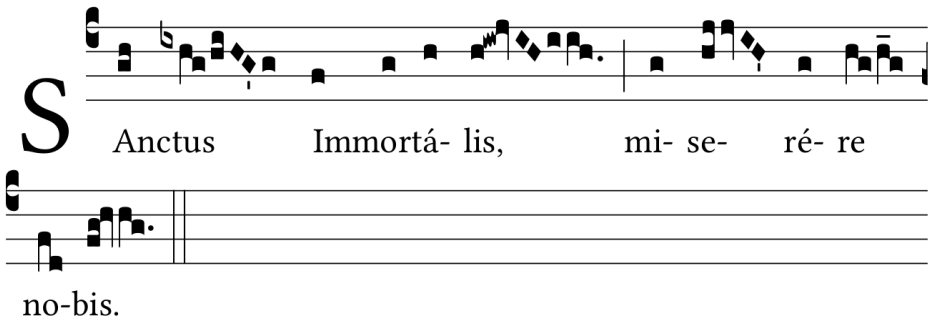

  
**S** Anctus De-us.


  
**H** A-gi- os Ischy-rós.


  
**S** Anctus Fortis.



**H** Agi- os Athána- tos, e- lé- i- son  
hymás.



**S** Anctus Immortá- lis, mi- se- ré- re  
no-bis.

Agi-os o Theos! Sanctus Deus!

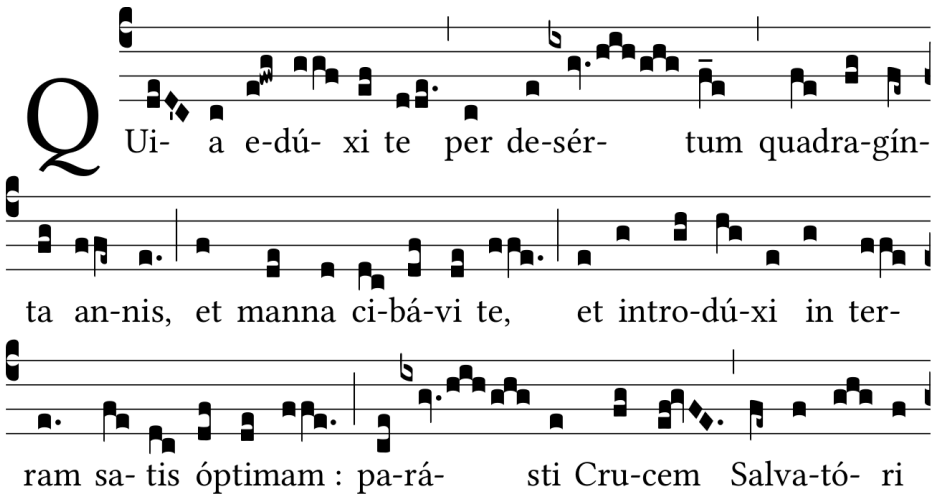
Chúa là Đấng Thánh.

Agi-os ischyros! Sanctus fortis!

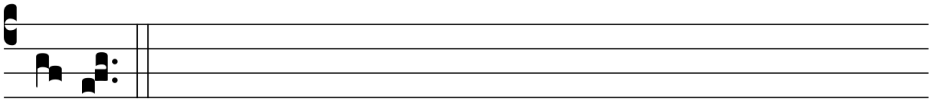
Chúa là Đấng Thánh uy hùng.

Agi-os athánatos, eléison imas. Sanctus  
immortális, miserere nobis.

Chúa là Đấng Thánh hằng hữu, xin  
thương xót chúng tôi.



**Q** Ui- a e- dú- xi te per de- sér- tum quadra- gín-  
ta an- nis, et manna ci- bá- vi te, et intro- dú- xi in ter-  
ram sa- tis óptimam : pa- rá- sti Cru- cem Salva- tó- ri



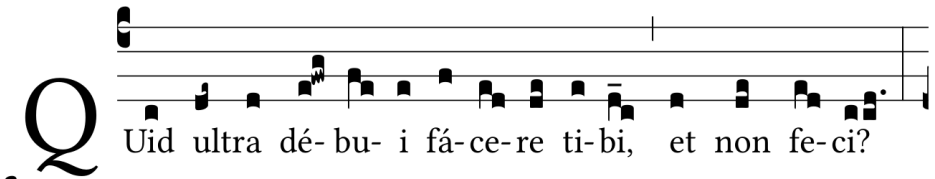
tu- o.

Quia edúxi te per desértum  
quadragínta annis, et manna cibávi te,  
et introdúxi te in terram satis bonam:  
parásti Crucem Salvatóri tuo.

Phải chăng vì Ta đã dẫn người qua sa  
mạc bốn mươi năm, đã cho người ăn  
manna, đã đưa người vào đất hứa,  
nên người đã dọn Thánh Giá cho  
Đấng đã cứu người.

*Agios o ...*

*Chúa là ...*



Uíd ultra dé- bu- i fá- ce- re ti- bi, et non fe- ci?



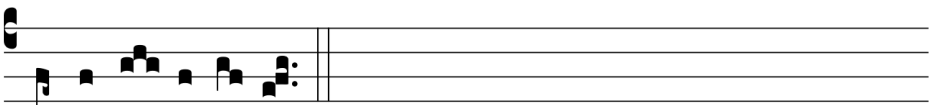
E- go qui- dem plan- tá- vi te ví- ne- am me- am spe- ci- o- sís-



simam : et tu facta es mi- hi ni- mis amá- ra : a- cé- to nam-



que si- tim me- am po- tá- sti : et lánce- a perfo- rásti la- tus



Salva- tó- ri tu- o.

Quid ultra débui fácere tibi, et non  
feci? Ego quidem plantávi te víneam

Nào có gì phải làm, mà Ta đã không  
làm cho người? Chính ta đã vun

meam speciosíssimam: et tu facta es  
mihi nimis amára: acéto namque  
sitim meam potásti: et lancea  
perforásti latus Salvatóri tuo.

trồng người như vun trồng cây nho  
quý nhất: thế mà người cho Ta ăn của  
cay đắng. Ta khát, người đã cho Ta  
uống giấm chua, người đã đâm cạnh  
sườn Đấng đã cứu người.

*Agios o ...*

*Chúa là ...*



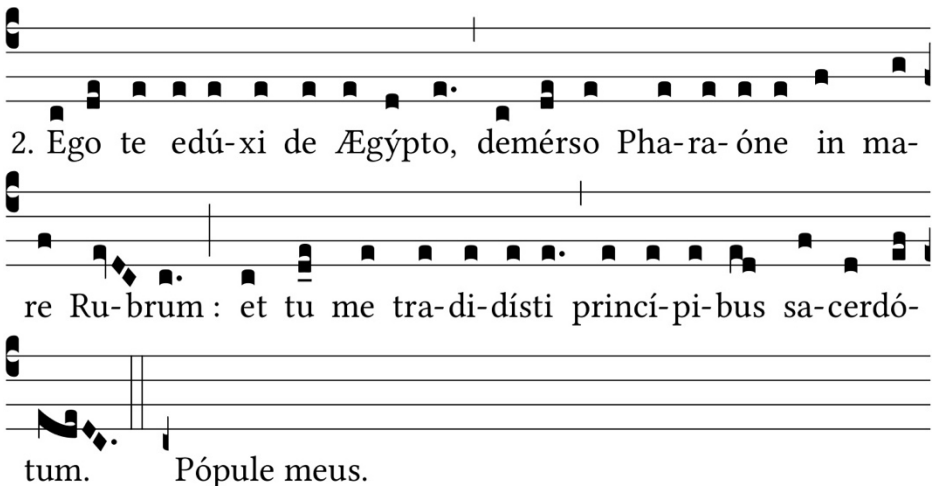
**E**-go propter te flagellá-vi Ægyptum cum primogé-  
ni-tis suis: et tu me flagellá-tum tra-di-dísti.

Ego propter te flagellávi Ægyptum  
cum primogénitus suis: et tu me  
flagellátum tradidísti.

Vì người, Ta đã giết các con đầu lòng  
của Ai Cập, thế mà người đã lên án  
giết Ta sau khi đã đánh đập Ta.

*Pópule meus ...*

*Dân ta bởi ...*




2. Ego te edú-xi de Ægypto, demérso Pha-ra-óne in ma-  
re Ru-brum: et tu me tra-di-dísti princí-pi-bus sa-cerdó-  
tum. Pópule meus.

Ego eduxi te de Ægypto, demerso Pharaóne in Mare Rubrum: et tu me tradidisti princípibus sacerdotum.

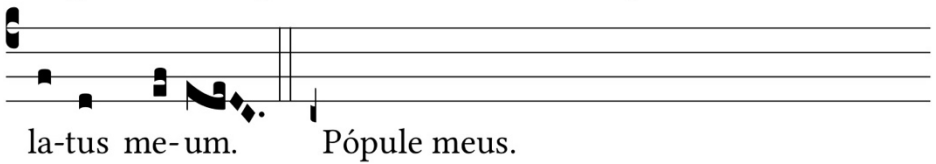
Ta đã đưa người ra khỏi đất Ai Cập và đã giết đạo quân Pharaông dưới làn sóng đỏ, thế mà người đã nộp Ta cho các đại giáo trưởng.

*Pópule meus ...*

*Dân ta hỡi ...*



3. Ego ante te apé-ru-i ma- re : et tu ape-ru-ísti lánce-a



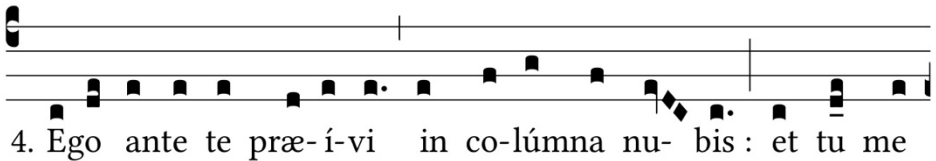
la-tus me-um. Pópule meus.

Ego ante te aperui mare: et tu aperuísti láncea latus meum.

Ta đã mở đường cho người qua biển, thế mà người đã lấy đồng nhọn mà đâm cạnh sườn Ta.

*Pópule meus ...*

*Dân ta hỡi ...*



4. Ego ante te præ-í-vi in co-lúmna nu- bis : et tu me



du-xísti ad præ-tó-ri- um Pi-lá-ti. Pópule meus.

Ego ante te præivi in colúmna nubis: et tu me duxísti ad prætóríum Pílati.


Ta đã đưa đường người như cột mây, thế mà người lại dẫn Ta đến tòa án Philatô.

*Pópule meus ...*

*Dân ta hỡi ...*



5. Ego te pa-vi manna per de-sér- tum : et tu me ce-ci-dísti



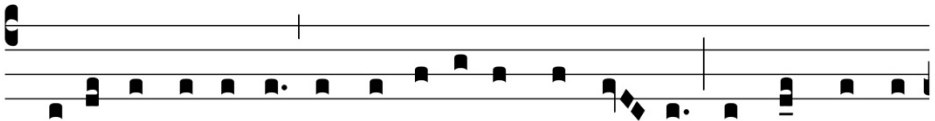
á-la-pis et flagél-lis. Pópule meus.

Ego te pavi manna per desértum: et tu me cecidísti álapis et flagéllis.


Ta đã dùng manna nuôi người trong sa mạc, thế mà người đã vả Ta và đập đánh Ta.

*Pópule meus ...*

*Dân ta hỡi ...*



6. Ego te po-tá-vi aqua sa-lú-tis de pe- tra : et tu me po-



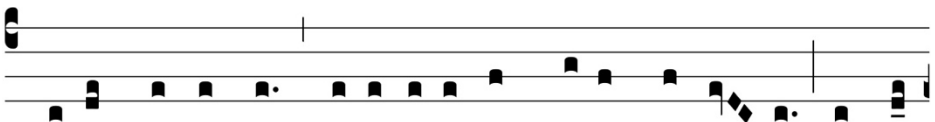
tásti fel-le et a-cé-to. Pópule meus.

Ego te potávi aqua salútis de petra: et tu me potásti felle, et acéto.


Ta đã lấy nước từ mỏm đá cho người uống, thế mà người đã cho Ta uống mật đắng và giấm chua.

*Pópule meus ...*

*Dân ta hỡi ...*



7. Ego propter te Chananæ-ó-rum reges percús- si : et tu



percussísti a-rúndi-ne caput me-um. Pópule meus.

Ego propter te Chananæorum reges percussisti: et tu percussisti arundine caput meum.

*Pópule meus ...*

Vì người, Ta đã giết các vua đất Canaan, thế mà người đã lấy cây sậy đập đầu Ta.

*Dân ta hỡi ...*



8. Ego de-di ti-bi sceptrum regá- le : et tu de-dísti cá-pi-ti



me-o spí-ne- am co-rónam.

*Pópule meus.*

Ego dedi tibi sceptrum regále: et tu dedísti cápiti meo spíneam corónam.

*Pópule meus ...*

Ta đã cho người phủ việt vương quyền, thế mà người đã cho Ta đội vòng gai.

*Dân ta hỡi ...*



9. Ego te exaltá-vi magna virtú- te : et tu me suspendísti



in pa-tí-bu-lo Cru-cis.

*Pópule meus.*

Ego te exaltávi magna virtúte: et tu me suspendísti in patíbulo Crucis.

*Pópule meus ...*

Ta đã dùng thế lực để đưa người lên, thế mà người đã treo Ta lên thập giá.

*Dân ta hỡi ...*

Ant.  
4.

C

Ru-cem tu-am \* ado-rámus, Dó-mi-ne : et sanctam

re-surrecti-ónem tu-am laudámus et glo-ri-fi-cámus : ecce

e-nim propter lignum ve-nit gáudi-um in u-ni-vérso

mundo. *Ps.* De-us mi-se-re-á-tur nostri, et be-ne-dí-cat no-

bis : \* il-lúmi-net vultum su-um super nos, et mi-se-re-á-tur

nostri.

Crucem tuam adorámus, Dómine: et sanctam resurrectionem tuam laudámus, et glorificámus: ecce enim propter lignum venit gáudium in univérso mundo.

*Ps.* Deus misereátur nostri, et benedícat nobis. Illúminet vultum suum super nos, et misereátur nostri.

*Crucem tuam ...*

Lạy Chúa, chúng tôi thờ lạy Thánh Giá Chúa, chúng tôi ca tụng và ngợi khen sự Phục Sinh Chúa, vì nhờ gỗ này mà cả vũ trụ được tràn ngập hoan hỷ.

*Cv.* Xin Chúa thương và chúc phúc cho chúng tôi; xin nhan thánh Chúa giải sáng trên chúng tôi, và thương chúng tôi.

*Lạy Chúa ...*



Hymn.

1.  
C

Rux fi-dé-lis, inter omnes Arbor u-na nó-bi-lis :

Nulla silva ta-lem pro-fert, Fronde, flo-re, gérmi-ne :

\* Dulce lignum, dulces clavos, Dulce pondus sú-ti-net.

Crux fidélis, inter omnes arbor una nóbilis; nulla silva talem profert, fronde, flore, gérmine. Dulce lignum, dulces clavos, dulce pondus sústinet.

Ôi Thánh Giá, biểu hiệu của đức tin, là cây trọng hơn mọi thứ cây: không rừng nào có cây, lá, hoa, trái như vậy. Ôi gỗ êm ái, đành dịu dàng, đã mang gánh nặng êm đềm.

Hymn.

1.  
P

Ange, língua, glo-ri-ó-si Láure-am certámi-nis,

Et su-per Crú-cis tropháe-o Dic tri-úm-phum nó-bi-lem:

Quá-li-ter Red-émptor orbis Immo-lá-tus ví-ce-rit.

Pange, lingua, gloriósi, láuream certáminis, et super Crucis tropháo, dic triúmphum nóbilem: quáliter Redémptor orbis immolátus vícerit.

*Ant. Crux fidélis ...*

Lưỡi ta ơi, hãy ca tụng cuộc chiến đấu vinh hiển, và cuộc chiến thắng oai hùng. Thánh Giá kia còn ghi dấu, Chúa Cứu Thế hy sinh đã toàn thắng.

*Điệp xướng. Ôi Thánh Giá ...*



Ψ. 2. De pa-réntis pro-toplás-ti Fraúde Fáctor cóndo-lens,



Quando pómi no-xi- á-lis In né-cem mórsu rú- it: Ipse



lígnum tunc no-tá-vit, Dámna lígni ut sólve-ret. \* Dúlce

De paréntis protoplásti, fráude Factor cóndolens, quando pomi noxiális, in necem morsu ruit: ipse lignum tunc notávit. Damna ligni ut sólveret.

Vì thương Nguyên Tổ xưa, đã sa vào cõi chết, bởi ăn trái cấm, Chúa đã ấn định một Cây mới, để hủy diệt tai họa của Cây xưa.

*Ant. Dulce lignum ...*

*Điệp xướng. Ôi gỗ êm ái ...*



Ψ. 3. Hoc ópus nóstræ sa-lú- tis Ordo de-po-pósce-rat: Mul-



ti- fórmis prod-i- tó-ris Ars ut ártem fál-le-ret: Et me-



dé-lam férret inde, Hóstis unde lée-se-rat. Crux fidélis.

Hoc opus nostræ salutis ordo depopóscerat: multifórmis proditóris

Đây là lịch trình cứu thoát ta, Đấng Khôn Ngoan đã trừ diệt mưu ác, đã

ars ut artem fálleret: et medélam ferret  
inde, hostis unde láserat.

dùng khí giới của địch thù làm linh  
dược cứu chữa ta.

*Ant. Crux fidelis ...*

*Điệp xướng. Ôi Thánh Giá ...*



Ψ. 4. Quando vé-nit ergo sá-cri Ple-ni-tú-do témpo-ris,



Míssus est ab árce Pátris Ná-tus, orbis Cóndi-tor, Atque



véntre virgí-ná-li Cárne amíc-tus pró-di-it. \* Dúlce

Quando venit ergo sacri plenitúdo  
témporis, missus est ab arce Patris  
natus, orbis Cónditor: atque ventre  
virgináli carne amíctus pródiit.

Đến ngày giờ Người đã dự định,  
Chúa Cha sai Đấng Hóa Công sinh  
xuống bởi lòng người Trinh Nữ,  
Người mặc lấy xác thịt chúng ta.

*Ant. Dulce lignum ...*

*Điệp xướng. Ôi gỗ êm ái ...*



Ψ. 5. Vá-git ínfans inter árcta Cóndi-tus præ-sé-pi-a: Mém-



bra pánnis invo-lú-ta Vírgo Má-ter ál-li-gat: Et Dé-i



má-nus pe-désque Strícta cingit fásci-a. Crux fidelis.

Vagit infans inter arcta cónditus  
 præsépiã: membra pannis involúta  
 Virgo Mater álligat: et Dei manus,  
 pedésque stricta cingit fáschia.

*Ant. Crux fidelis ...*

Hài nhi nằm trong hang hèn, Trinh  
 Nữ lấy khăn bọc thân Chúa, lấy vải  
 băng bó gòn gàng chân tay của Thiên  
 Chúa.

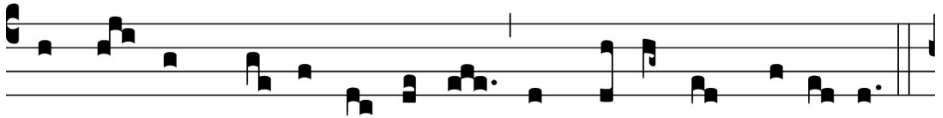
*Điệp xướng. Ôi Thánh Giá ...*



¶. 6. Lústra sex qui jam per-é- git, Témpus ímplens córpo-



ris, Spónte lí-be-ra Red-émptor Passi- ó- ni dé-di- tus,



Agnus in Crú- cis le- vá- tur Immo- lándus stí- pi- te.

Lustra sex qui iam perégit, tempus  
 implens córporis, sponte líbera  
 Redémptor passióni déditus, Agnus  
 in Crucis levátur immolándus stípíte.

Sau ba mươi năm, đến cuối đời sống  
 trần gian, Chúa Cứu Thế đã tự ý  
 chọn khổ hình. Chiên hy sinh bị treo  
 lên Thập Giá.

*Ant. Dulce lignum ...*

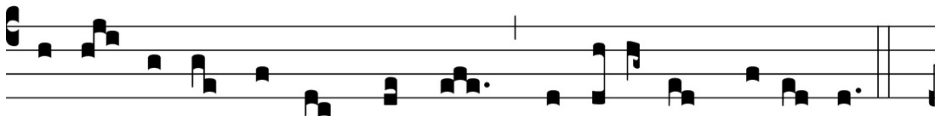
*Điệp xướng. Ôi gỗ êm ái ...*



¶. 7. Félle pó- tus ecce lánguet: Spí- na, clá- vi lánce- a,



Mí- te córpus perfo- rá- runt, Unda má- nat et crú- or:



Térra, póntus, ástra, múndus, Quo lavántur flúmi- ne!

Felle potus ecce languet: spina, clavi,  
lancea, mite corpus perforarunt, unda  
manat, et cruor: terra, pontus, astra,  
mundus. Quo lavantur flumine!

*Ant. Crux fidelis ...*

Đây Người ủ rũ vì uống của đắng. Gai,  
đinh, lưới đồng đâm xác lạnh Chúa,  
Máu và nước cuộn cuộn chảy theo,  
rửa sạch đất, biển, sao, cùng vũ trụ.

*Điệp xướng. Ôi Thánh Giá ...*



Ψ. 8. Flécte ramos, árbor ál-ta, Ténsa lá-xa vísce-ra, Et rí-



gor lentéscat íl-le, Quem dé-dit na-tí-vi-tas: Et su- péрни



mémбра Ré-gis Ténde mí-ti stí-pi-te. \* Dúlce

Flecte ramos, arbor alta, tensa lax  
víscera, et rigor lentéscat ille, quem  
dedit natívitás: et supérni membra  
Regis tende miti stípíte.

*Ant. Dulce lignum ...*

Hỡi cây cao vút hãy hạ ngành, thớ cây  
căng thẳng, hãy chùn lại; cho mềm lại  
sức cứng rắn tự nhiên, để làm giường  
êm ái cho Vua Cả.

*Điệp xướng. Ôi gỗ êm ái ...*



Ψ. 9. Só-la dígna tu fu- í- sti Férre múndi víc-timam: At-



que pórtum præ-pa-rá-re Arca múndo náufra-go:



Quam sá-cer crú-or per-únxit, Fú-sus Agni córpo-re.

Sola digna tu fuísti ferre mundi  
víctimam: atque portum præparare  
arca mundo naufrago: quam sacer  
cruor perúnxit, fusus Agni corpore.

*Ant. Crux fidelis...*

Chỉ một mình Người được xứng  
đáng làm lễ hy sinh cứu trần gian, là  
thuyền nhuộm máu Chiên cao quý,  
đưa thế gian đắm đuối về tới bến.

*Điệp xướng. Ôi Thánh Giá...*



Ψ. 10. Sempiterna sit beata Trinitatis gloria: Æqua



Patri Filioque; Par decus Paracleti: Unus Tri-



nique nomen Laudet universitas. Amen. \* Dulce

Sempiterna sit beata Trinitatis gloria:  
æqua Patri, Filioque; par decus  
Paracleti: unus Trinique nomen  
laudet universitas.

*Ant. Dulce lignum...*

Đời đời vinh danh Chúa Ba Ngôi,  
Chúa Cha, Chúa Con và Chúa  
Thánh Thần. Nguyên cho danh Chúa  
Ba Ngôi được muôn loài chúc tụng.

*Điệp xướng. Ôi gỗ êm ái...*

## PHẦN THỨ BỐN

### KIỆU THÁNH THỂ VÀ RƯỚC LỄ

Ant.  
1.



**A**-do-ra-mus te, \* Chri-ste, et bene-dí-cimus ti-




bi, qui-a per Cru-cem tu-am redemísti mundum.

Adorámus te, Christe, et  
benedícimus tibi, quia per Crucem  
tuam redemísti mundum.

Lạy Chúa Kitô, chúng tôi thờ lạy và  
ngợi khen Chúa, vì Chúa đã dùng  
Thánh Giá mà chuộc tội cho thiên hạ.

Ant.  
8.



**P** ER lignum \* servi fa- cti su- mus, et per sanctam  
Cru- cem li- be- rá- ti su- mus : fructus ár- bo- ris se- dú- xit  
nos, Fí- li- us De- i red- émit nos.

Per lignum servi facti sumus, et per  
sanctam Crucem liberáti sumus:  
fructus árboris sedúxit nos, Fílius Dei  
redémit nos.

Vì cây xửa chúng tôi là nô lệ, nhờ  
Thánh Giá, chúng tôi được giải  
thoát: trái cây đã quấy rầy chúng tôi,  
Con Thiên Chúa đã cứu chúng tôi.

Ant.  
7.



**S** Alvá- tor mundi, salva nos : \* qui per Cru- cem et  
Sángui- nem rede- místi nos, auxi- li- á- re no- bis, te depre-  
cámur, De- us noster.

Salvátor mundi, salva nos: qui per Crucem et Sánguinem tuum redemísti nos, auxiliáre nobis, te deprecámur, Deus noster.

Lạy Đấng Cứu Độ thế gian, xin cứu chúng tôi; Chúa đã dùng Thánh Giá và Máu Chúa chuộc chúng tôi. Lạy Chúa, xin Chúa cứu chúng tôi.

## RƯỚC LỄ

Oremus

Chúng ta hãy cầu nguyện

Præcéptis salutáribus móniti, et divína institutióne formáti, audémus dícere:

Vâng lệnh Chúa Cứu Thế và theo thể thức Người dạy, chúng tôi dám nguyện rằng:

Pater noster, qui es in coelis, sanctificetur nomen tuum. Adveniat regnum tuum. Fiat voluntas tua, sicut in coelo, et in terra. Panem nostrum cotidianum da nobis hodie: et dimitte nobis debita nostra, sicut et nos dimittibus debitoribus nostris. Et ne nos inducas in tentationem; sed libera nos a malo. Amen.

Lạy Cha chúng tôi ở trên trời, chúng tôi nguyện danh Cha cả sáng, nước Cha trị đến, vâng ý Cha dưới đất bằng trên trời vậy. Xin Cha cho chúng tôi rày hằng ngày dùng đủ, và tha nợ chúng tôi, như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi, lại chớ đến chúng tôi sa chước cám dỗ, bèn chữa chúng tôi cho khỏi sự dữ. Amen.

*Vì Chủ sự đọc tiếp:*

Líbera nos, quæsumus, Dómine, ab ómnibus malis, prætérítis, præsentibus, et futúris: et intercidénte beáta et gloriósa semper Vírgine Dei Genetríce María, cum beátis Apóstolis tuis Petro et Páulo, atque Andréa, et ómnibus Sanctis, da propítius pacem in diébus nostris: ut ope misericórdiæ tuæ adiúti, et a peccáto simus semper líberi, et ab omni perturbatióne secúri. Per

Lạy Chúa, xin chữa chúng tôi khỏi mọi sự dữ đã qua, bây giờ và sau này. Nhờ lời cầu bầu của Thánh Nữ hiển vinh Maria, Mẹ Thiên Chúa, trọn đời đồng trinh, các thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô và Anrê cùng toàn thể các thánh, xin Chúa đoái thương ban bình an cho những ngày chúng tôi đang sống, để nhờ lượng từ bi Chúa nâng đỡ, chúng tôi luôn luôn thoát khỏi tội lỗi, và được yên ổn khỏi mọi



eúndem Dóminum nostrum Iesum Christum Fílium tuum, qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sæcula sæculórum.

Percéptio Córporis tui, Dómine Iesu Christe, quod ego indígnus súmerè præsúmo, non mihi provéniat in iudícium et condemnatióem: sed pro tua pietáte prosit mihi ad tutaméntum mentis, et córporis, et ad medélam percipiéndam. Qui vivis et regnas cum Deo Patre in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sæcula sæculórum.

Dómine, non sum dignus, ut intres sub tectum meum: sed tantum dic verbo, et sanábitur ánima mea. *(iii)*

Corpus Dómini nostri Iesu Christi custódiat ánimam meam in vitam ætéenam. Amen.

Confíteor Deo omnipoténti, beátæ Mariæ semper Vírgini, beáto Michaéli Archángelo, beáto Joánni Baptístæ, sanctis Apóstolis Petro et Paulo, ómnibus Sanctis, et tibi, pater: quia peccávi nimis cogitatióne, verbo et ópere: mea culpa, mea culpa, mea máxima culpa. Ideo precor beátam

biển loạn. Vì cũng một Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

Lạy Chúa Giêsu Kitô, tiếp rước Chúa là một việc tôi chẳng đáng, nhưng xin đừng để tôi phải phạt, một nhờ lòng từ bi Chúa, xin bảo vệ hồn xác tôi, và nên thuốc chữa bệnh tật tôi. Đấng hằng sống hằng trị cùng Đức Chúa Cha, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

Lạy Chúa, tôi không đáng được Chúa ngự vào nhà tôi, nhưng xin Chúa phán một lời, thì linh hồn tôi được lành sạch. *(3 lần)*

*Vị Chủ sự rước lễ:*

Xin Mình Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng tôi, gìn giữ linh hồn tôi cho được sống đời đời. Amen.

*Giáo dân rước lễ:*

Lạy Chúa, là Cha chí thánh, là Tôi cáo mình cùng Đức Chúa Trời phép tắc vô cùng và rất thánh Đức Bà Maria trọn đời đồng trinh, cùng thánh Micae Tổng Lãnh Thiên Thần, cùng ông thánh Gioan Baotixita, cùng hai ông thánh Tông đồ – ông thánh Phêrô và ông thánh

Maríam semper Vírginem, beátum Michaélem Archángelum, beátum Joánnem Baptístam, sanctos Apóstolos Petrum et Paulum, omnes Sanctos, et te, pater, oráre pro me ad Dóminum, Deum nostrum.

V. Misereátur vestri omnípotens Deus, et, dimíssis peccátis vestris, perdúcat vos ad vitam ætérnam.

R. Amen.

V. Indulgéntiam, absolutiónem ✠ et remissionem peccatórum vestrórum tríbuat vobis omnípotens et miséricors Dóminus.

R. Amen.

V. Ecce Agnus Dei, ecce, qui tollit peccáta mundi.

R. Dómine, non sum dignus, ut intres sub tectum meum: sed tantum dic verbo, et sanábitur ánima mea. *(iii)*

Phaolô – cùng các thánh, (tôi lại cáo mình cùng Cha), vì tôi đã phạm tội nhiều, lòng động, lòng lo, miệng nói, mình làm: lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng. Vì vậy tôi xin rất thánh Đức Bà Maria trọn đời đồng trinh, thánh Micae Tổng Lãnh Thiên Thần, ông thánh Gioan Baotixita, hai ông thánh Tông đồ – ông thánh Phêrô và ông thánh Phaolô – và các thánh, (tôi lại xin Cha), cầu cùng Đức Chúa Trời là Chúa chúng tôi tha tội cho tôi cùng.

*Vị Chủ sự xin Chúa thứ tha tội lỗi cho mọi người:*

X. Xin Chúa toàn năng xót thương, tha tội, và dẫn đưa anh chị em về cõi trường sinh.

Đ. Amen.

X. Xin Chúa toàn năng và từ bi, ân xá, ✠ miễn thứ, và tha tội chúng tôi.

Đ. Amen.

X. Đây là Chiên Thiên Chúa, này là Đấng gánh tội trần gian.

Đ. Lạy Chúa, tôi không đáng được Chúa ngự vào nhà tôi, nhưng xin Chúa phán một lời, thì linh hồn tôi được lành sạch. *(3 lần)*

Corpus Dómini nostri Jesu Christi  
custódiat ánimam tuam in vitam  
æternam. Amen.

*Vị Chủ sự đọc khi từng người rước lễ:*

Xin Mình Đức Giêsu Kitô, Chúa  
chúng ta, gìn giữ linh hồn con cho  
được sống đời đời. Amen.

*Trong khi Rước Lễ, ca đoàn hát Ca Vịnh 21 sau đây:*

## CA VỊNH

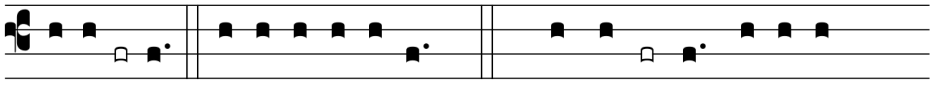
21, 1-34



1.De- us, De- us me- us, réspi- ce in me : † qua- re me de-  
2 1 /



-re- **liquí-** sti? \* longe a sa- lú- te me- a verba de- lictó- rum



me- **ó-** rum. E u o u a e. *Flexa* : ex ú- te- ro : †

Deus, Deus meus, respice in me: †  
quare me **dereliquisti**?\*  
longe a salute mea verba delictorum  
meorum.

Lạy Chúa tôi thờ, muôn lạy Chúa,  
Chúa nở lòng ruồng bỏ tôi sao? Dù tôi  
thảm thiết kêu gào, nhưng ơn cứu độ  
nơi nao xa vời!

Deus meus, clamábo per diem, et non  
**exáudies**:\*  
et nocte, et non ad insipiéntiam **mihi**.

Ngày kêu Chúa không lời đáp ứng,  
đêm van Ngài mà cũng chẳng yên.

Tu autem in *sancto* **hábitas**,\*  
laus **Israël**.

Thế nhưng Chúa ngự nơi đền, vinh  
quang của Israel là Ngài.

In te speravérunt *patres* **nostri**:\*  
speravérunt, et liberásti eos.

Xưa tổ phụ vẫn hoài cậy Chúa, họ cậy  
trông, Ngài đã độ trì.

Ad te clamavérunt, et *salvi* **facti** sunt:\*  
in te speravérunt, et non sunt **confúsi**.

Van nài liền được cứu nguy, đã không  
thất vọng mỗi khi cậy Ngài.

Ego autem sum vermis, *et non homo*:\* opprobrium hóminum, et abiectio **plebis**.

Omnes vidéntes me, *derisérunt* me:\* locúti sunt lábiis, et movérunt **caput**.

Sperávit in Dómino, *erípiat eum*:\* salvum fáciat eum, quóniam vult **eum**.

Quóniam tu es, qui extraxísti *me de ventre*:\*

spes mea ab ubéribus matris **meæ**.

In te proiétus sum ex útero: † De ventre matris **meæ** Deus *meus* **es** tu,\* ne discésseris **a** me:

Quóniam tribulátio *próxima* est:\* quóniam non est qui **á**diuvet.

Circumdedérunt me *vítuli multi*:\* tauri pingues **obsédérunt** me.

Aperuérunt super *me os suum*,\* sicut leo rápiens et **rúgiens**.

Sicut *aqua effúsus* sum:\* et dispérsa sunt ómnia ossa **mea**.

Factum est cor meum tamquam *cera liquéscens*\*

in médio ventris **mei**.

Aruit tamquam testa virtus mea, † et lingua mea adhæsít *fáucibus meis*:\* et in púlverem mortis deduxísti me.

Quóniam circumdedérunt me *canes multi*:\*

concílium malignántium **obsédit** me.

Foderunt manus meas et *pedes meos*:\* dinumeravérunt ómnia ossa **mea**.

Thân sâu bọ chứ người đầu phải, tôi bị đời mắng chửi khinh khi.

Thấy tôi là chúng cười chê, lắc đầu bĩu mỏ chúng thì mỉa mai.

Nó cậy Chúa: mặc Người cứu nó! Người có thương, giải gỡ đi nào!

Đưa tôi ra khỏi thai bào, vòng tay mẹ ẵm Chúa trao an toàn.

Chào đời, tôi được dâng cho Chúa, được Ngài là Chúa, tự sơ sinh.

Xa tôi Ngài đứng sao đành, nguy hiểm bên mình không kẻ giúp cho.

Quanh tôi, cả đàn bò bao kín, thú Basan ùa đến bủa vây.

Há mồm đe dọa gớm thay, khác nào sư tử xé thây vang gầm.

Tưởng mình như tan dần ra nước, toàn thân tôi xương cốt rã rời.

Con tim thổn thức bồi hồi, mềm như sáp chảy rối bởi ruột gan.

Nghe cổ họng khô ran như ngói, lưỡi với hàm dính lại cùng nhau. Chấn tử vong, Chúa đặt vào.

Quanh tôi bày chó đã bao chặt rồi. Bọn ác đó trong ngoài vây bủa.

Chúng đâm tôi thủng cả tay chân, xương tôi đếm được ngần dài.

Ipsi vero consideraverunt et inspexerunt me: † divisérunt sibi vestiménta **mea**,\*  
et super vestem meam misérunt **sortem**.

Tu autem, Dómine, ne elongáveris  
auxílium *tuum* **a** me:.\*  
ad defensiónem meam **cónspice**.

Erue a frámea, Deus, *ánimam* **meam**:\*  
et de manu canis únicam **meam**.

Salva me ex ore *leónis*:\*  
et a córnibus unicórnium  
humilitátem **meam**.

Narrábo nomen tuum *frátribus* **meis**:\*  
in médio ecclésiæ **laudábo** te.

Qui timétis Dóminum, **laudáte eum**:\*  
univérsum semen Iacob, **glorificáte eum**.

Tímeat eum omne *semen* **Israël**:\*  
quóniam non sprevit, neque despéxit  
deprecatiónem **páuperis**.

Nec avértit fáciem *suam* **a** me:.\*  
et cum clamárem ad eum, **exaudívit**  
me.

Apud te laus mea in ecclésiá **magna**:\*  
vota mea reddam in conspéctu  
timéntium **eum**.

Edent páuperes, et saturabúntur: † et  
laudábunt Dóminum qui *requírunt*  
**eum**:\*  
vivent corda eórum in sáculum **sáculi**.

Chúng đưa cặp mắt cứ hoài ngó xem.  
Áo mặc ngoài, chúng đem chia chác,  
còn áo trong, cũng bắt thăm luôn.

Chúa là sức mạnh tôi nương, cứu  
mau, lạy Chúa, chớ đừng đứng xa.

Xin cứu mạng khỏi sa lưới kiếm, gỡ  
thân tôi thoát miệng sói rừng.

Khỏi nanh sư tử hải hùng, phận hèn  
khốn khổ thoát sừng trâu điên.

Thánh Danh tôi sẽ loan truyền, cho  
toàn công hội anh em được tường.

Mừng Ngài tôi sẽ tán dương, các bạn  
tôn thờ Chúa, hãy ca tụng Người đi,  
nào miêu duệ Giacóp, hết thầy chúc  
vinh Người.

Dòng dõi Israel, hãy một niềm kính sợ!  
Bởi vì Chúa chẳng coi thường, chẳng  
khinh miệt kẻ nghèo hèn khốn khổ.

Cũng không đành ngoảnh mặt làm  
ngơ, nhưng đã thương nghe lời cầu  
cứu.

Chịu ơn Người, tôi dâng lời ca tụng,  
ngày đại hội toàn dân, điều khẩn  
nguyện: tôi xin giữ trọn, trước mặt  
những ai kính sợ Người.

Kẻ khó nghèo sẽ được ăn no thỏa,  
người tìm Chúa, đồng vang tiếng  
ngợi khen, cầu chúc họ được sống vui  
ngàn đời.

Reminiscéntur et converténtur ad  
**Dóminum**\*  
univérsi fines **terræ**.

Et adorábunt in *conspéctu* eius\*  
univérsæ *família* **géntium**.

Quóniam *Dómini est* **regnum**:\*  
et ipse dominábitur **géntium**.

Manducavérunt et adoravérunt  
omnes *pingues* **terræ**:\*  
in *conspéctu* eius cadent omnes qui  
descéndunt in **terram**.

Et *ánima mea illi* **vivet**:\*  
et semen meum sérviet **ipsi**.

Annuntiábitur *Dómino generátio*  
*ventúra: † et annuntiábunt coeli*  
*iustítiam eius pópulo qui nascétur,\**  
quem fecit **Dóminus**.

*Ant. Divisérunt sibi ...*

*Sau khi việc Rước Lễ hoàn tất, vị Chủ sự đọc các lời nguyện sau đây:*

## LỜI NGUYỆN I

Orémus

Super pópulum tuum quásumus,  
Dómine, qui *passiónem et mortem*  
*Fílii tui devóta mente recóluit,*  
*benedíctio copiósa descéndat,*  
*indulgéntia véniat, consolátio*  
*tribuátur, fides sancta succrésat,*  
*redéemptio sempitérna firmétur.* Per  
eúndem **Dóminum nostrum Iesum**  
**Christum Fílium tuum,** qui tecum  
vivit et regnat in unitáte **Spíritus Sancti**  
**Deus,** per *omnia sácula sæculórum.*

Toàn thế giới, muôn người nhớ lại và  
trở về cùng Chúa.

Khắp trần gian mọi nước kính thờ,  
phủ phục trước Thiên Nhan.

Bởi vì Chúa nắm quyền vương đế, ấy  
chính Người thống trị chư dân.

Hạng quyền thế trên đời hết thấy, sẽ  
đều thờ lạy một mình Người. Phàm  
những ai mang thân cát bụi, trước bề  
ròng, phủ phục kính tôn.

Còn phần tôi, lấy Chúa làm lẽ sống,  
con cháu mai sau, phụng thờ Người.

Thiên hạ sẽ kể Chúa cho thế hệ tương  
lai; lưu truyền hậu thế ơn Người cứu  
độ: “Sự nghiệp đây, chính Chúa tạo  
thành.”

*Điệp xướng. Chúng đem y phục ...*

Chúng ta hãy cầu nguyện

Lạy Chúa, dân Chúa đã sốt sắng  
tưởng niệm cuộc khổ nạn và cái chết  
của Con Chúa, xin Chúa ban cho họ  
được ơn phúc dư đầy, được tha thứ,  
an ủi, được thêm lòng tin và hưởng  
nhờ ơn cứu chuộc muôn đời. Vì cũng  
một Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng  
là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống  
hằng trị, làm một cùng Đức Chúa  
Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

## LỜI NGUYỆN II

Orémus

Omnípotens et miséricors Deus, qui Christi tui beáta passióne et morte nos reparásti: consérva in nobis óperam misericórdiæ tuæ; ut huius mystérii participatióne, perpétua devotióne vivámus. Per eúndem Dóminum nostrum Iesum Christum Fílium tuum, qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sǎcula sǎculórum.

Chúng ta hãy cầu nguyện

Lạy Chúa nhân từ, toàn năng, nhờ cuộc khổ nạn và cái chết của Chúa Kitô, Chúa đã phục hồi chúng tôi, xin Chúa tiếp tục công việc từ bi của Chúa nơi chúng tôi, để nhờ sự tham dự mầu nhiệm này, chúng tôi sống đạo đức sốt sắng suốt đời mình. Vì cũng một Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

## LỜI NGUYỆN III

Orémus

Reminíscere miseratiónum tuárum, Dómine, et fámulos tuos æténa protectiόne sanctífica, pro quibus Christus, Fílius tuus, per suum cruórem instítuit paschále mystérium. Per eúndem Dóminum nostrum Iesum Christum Fílium tuum, qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sǎcula sǎculórum.

Chúng ta hãy cầu nguyện

Lạy Chúa, xin nhớ lại lòng nhân từ Chúa, xin Chúa luôn luôn che chở, thánh hóa con cái Chúa, vì họ mà Chúa Kitô, Con Chúa, đổ máu mình lập mầu nhiệm Phục Sinh này. Vì cũng một Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

*Cuộc cử hành phụng vụ đã hoàn tất. Tất cả trở về trong yên lặng. Nhà thờ trống rỗng, lạnh lẽo, cửa mở rộng, ngày đại tang, ngày buồn thảm ...*